

Số/No.: 250425/FUEKIVFS-CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2025  
Ho Chi Minh City, April 25, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/The State Securities Commission;  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange.

**1. Tên Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**

*Name of the fund management Company: KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD*

- Tên quỹ niêm yết/Name of listed fund: **Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT/KIM Growth VNFINSELECT ETF**

- Mã chứng khoán/Securities code: **FUEKIVFS**

- Địa chỉ trụ sở chính: Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Head office address: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 3, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam*

- Điện thoại/Phone number: (028) 3824 2220

Fax: (028) 3824 2225

- Email: [etf@koreainvestment.com.vn](mailto:etf@koreainvestment.com.vn)

Website: <https://koreainvestment.com.vn/>

**2. Nội dung thông tin công bố/Content of information disclosure:**

Nghị Quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT và Biên Bản Kiểm Phiếu Lấy Ý Kiến Nhà Đầu Tư.

*Resolution of the Annual General Meeting of Investors for the fiscal year 2024 of KIM Growth VNFINSELECT ETF and Vote Counting Minutes.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 25/4/2025 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>.

*This information was disclosed on Fund Management Company's website on April 25, 2025, available at: <https://koreainvestment.com.vn/en/home/>.*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We commit that the information published above is true and are fully responsible under the law for the content of the published information.*

**Tài liệu đính kèm/Attachments:**

Nghị Quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT và Biên Bản Kiểm Phiếu Lấy Ý Kiến Nhà Đầu Tư.

*Resolution of the Annual General Meeting of Investors for the fiscal year 2024 of KIM Growth VNFINSELECT ETF and Vote Counting Minutes.*

Đại diện công bố thông tin  
Information disclosure representative  
**CÔNG TY**  
**TNNH**  
**QUẢN LÝ QUỸ**  
**KIM VIỆT NAM**  
**XUEN HANG JIN**  
Tổng Giám đốc/General Director

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ  
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2024 CỦA  
QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT**

***VOTE COUNTING MINUTES  
ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR FISCAL YEAR 2024  
KIM GROWTH VNFINSELECT ETF***

**I. THÔNG TIN QUỸ/FUND INFORMATION**

- Tên Quỹ/*Fund name* : **QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT**  
("Quỹ"), được quản lý bởi Công ty TNHH quản lý quỹ  
KIM Việt Nam ("**KIM**")/**KIM GROWTH**  
**VNFINSELECT ETF** ("**Fund**"), managed by KIM  
Vietnam Fund Management Co., Ltd ("**KIM**")
- Giấy chứng nhận đăng ký lập : Số 50/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
quỹ/*Certificate of fund establishment* : cấp ngày 22/9/2022/*No. 50/GCN-UBCK issued by the*  
*registration* : *State Securities Commission on September 22, 2022*
- Địa chỉ/*Address* : Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại  
dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc  
Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng,  
Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/*Unit No. 6.02, 6F,*  
*Tower B, Commercial and Service Area combined*  
*with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional*  
*Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 3,*  
*Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City,*  
*Vietnam*
- Điện thoại/*Tel* : (028) 3824 2220
- Ngày chốt danh sách Nhà Đầu Tư : Ngày 20/3/2025/*March 20, 2025*  
thực hiện quyền biểu quyết/*Closing*  
*date for the List of Investors*  
*exercising voting rights*
- Tỷ lệ phân bổ quyền/*Rights* : 01 chứng chỉ quỹ - 01 quyền biểu quyết/*01 fund*  
*allocation ratio* : *certificate - 01 voting right*

**II. MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ/PURPOSE AND CONTENTS OF  
COLLECTING INVESTORS' OPINIONS**

Thông qua các nội dung lấy ý kiến Nhà Đầu Tư được nêu tại Mục IV Phiếu Lấy Ý Kiến.

*Approving the contents requiring Investors' opinions as stated in Section IV of the Opinion Form.*

**III. THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM KIỂM PHIẾU/  
COMPOSITION OF THE VOTE COUNTING COMMITTEE AND THE TIME AND PLACE**



## **OF VOTE COUNTING**

1. Thành phần Ban Kiểm Phiếu/*Composition of the Vote Counting Committee*
  - Ông Trần Phước Duy - Trưởng Ban Kiểm Phiếu.  
*Mr. Tran Phuoc Duy - Head of the Vote Counting Committee.*
  - Bà Võ Xuân Quý - Thành Viên Ban Kiểm Phiếu.  
*Ms. Vo Xuan Quy - Member of the Vote Counting Committee.*
2. Giám sát kiểm phiếu/*Vote Counting Supervisor*
  - Bà Ngô Thị Minh Nghĩa - Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ.  
*Ms. Ngo Thi Minh Nghia - Chairwoman of the Fund Representative Board.*
3. Thời gian, địa điểm thực hiện kiểm phiếu/*Time and place of vote counting*
  - Thời gian lấy ý kiến Nhà Đầu Tư/*Investors' opinions collecting time*: Từ ngày 31/3/2025 đến 17:00 ngày 22/4/2025/*From March 31, 2025 to 5 p.m. April 22, 2025.*
  - Thời gian bắt đầu kiểm phiếu/*Starting time of vote counting*: 9 giờ 00 phút, thứ Tư, ngày 23/4/2025/*9 a.m., Wednesday, April 23, 2025.*
  - Địa điểm thực hiện kiểm phiếu/*Place of vote counting*: Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/*Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 3, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

## **IV. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU/VOTING RESULTS**

1. Ban Kiểm Phiếu đã tiến hành kiểm Phiếu Lấy Ý Kiến Nhà Đầu Tư, kết quả như sau/*The Vote Counting Committee conducted the vote counting, the results are as follows:*
  - Tổng số Nhà Đầu Tư tham gia lấy ý kiến và số chứng chỉ quỹ biểu quyết được tính trên số lượng Nhà Đầu Tư và số chứng chỉ quỹ tính tại ngày 20/3/2025/*The total number of Investors participating in the consultation and the number of voting fund certificates are calculated on the number of Investors and the number of fund certificates as of March 20, 2025:*
    - Số lượng Nhà Đầu Tư/*Number of Investors*: 79.
    - Số lượng chứng chỉ quỹ/*Number of fund certificates*: 24.500.000.
  - Kết quả kiểm phiếu/*Voting results*:
    - Tổng số Phiếu Lấy Ý Kiến phát ra/*Total number of Opinion Forms issued*: 79 phiếu/*votes*, tương ứng với/*corresponding to* 24.500.000 chứng chỉ quỹ/*fund certificates*.
    - Tổng số Phiếu Lấy Ý Kiến thu về (tính đến thời điểm kết thúc Thời gian lấy ý kiến Nhà Đầu Tư - 17:00 ngày 22/4/2025)/*Total number of Opinion Forms collected (as of the end of the Investors' opinions collecting time - 5 p.m. April 22, 2025)*: 07 phiếu/*votes*, tương ứng với/*corresponding to* 14.222.100 chứng chỉ quỹ/*fund certificates*.

- Tổng số Phiếu Lấy Ý Kiến hợp lệ/*Total number of valid Opinion Forms*: **07** phiếu/*votes*, tương ứng với/*corresponding to* **14.222.100** chứng chỉ quỹ/*fund certificates*.
- Tổng số Phiếu Lấy Ý Kiến không hợp lệ/*Total number of invalid Opinion Forms*: **0** phiếu/*votes*, tương ứng với/*corresponding to* **0** chứng chỉ quỹ/*fund certificates*.
- Phương thức Nhà Đầu Tư gửi Phiếu Lấy Ý Kiến về cho KIM/*Method for Investors to send Opinion Forms to KIM*:
  - ✓ Gửi thư/*Via post*: **06** Phiếu Lấy Ý Kiến/*Opinion Forms*.
  - ✓ Gửi qua email/*Via email*: **01** Phiếu Lấy Ý Kiến/*Opinion Form*.

**2. Kết quả kiểm phiếu từng nội dung/*Results of counting votes for each content*:**

STT No.	Nội dung lấy ý kiến/ <i>Contents requiring opinions</i>	Số lượng chứng chỉ quỹ (CCQ) và tỷ lệ biểu quyết <i>Number of fund certificates (FC) and voting rate</i>					
		Tán thành/ <i>Agree</i>		Không tán thành/ <i>Disagree</i>		Không có ý kiến/ <i>No opinion</i>	
		Số lượng CCQ <i>Number of FC</i>	Tỷ lệ <i>Rate (%)</i>	Số lượng CCQ <i>Number of FC</i>	Tỷ lệ <i>Rate (%)</i>	Số lượng CCQ <i>Number of FC</i>	Tỷ lệ <i>Rate (%)</i>
1.	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2024 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2025 <i>Approving the Report on the Fund's performance results in 2024 and investment strategies in 2025</i>	14.222.100	58,05%	0	0%	0	0%
2.	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ <i>Approving the Audited 2024 financial statements of the Fund</i>	14.222.100	58,05%	0	0%	0	0%
3.	Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ hoán đổi danh mục năm 2024 của Ngân Hàng Giám Sát <i>Approving the Supervision report on ETF management activities in 2024 of the Supervisory Bank</i>	14.222.100	58,05%	0	0%	0	0%
4.	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 của Ban Đại Diện Quỹ	14.222.100	58,05%	0	0%	0	0%





STT No.	Nội dung lấy ý kiến/ <i>Contents requiring opinions</i>	Số lượng chứng chỉ quỹ (CCQ) và tỷ lệ biểu quyết <i>Number of fund certificates (FC) and voting rate</i>					
		Tán thành/ <i>Agree</i>		Không tán thành/ <i>Disagree</i>		Không có ý kiến/ <i>No opinion</i>	
		Số lượng CCQ <i>Number of FC</i>	Tỷ lệ <i>Rate (%)</i>	Số lượng CCQ <i>Number of FC</i>	Tỷ lệ <i>Rate (%)</i>	Số lượng CCQ <i>Number of FC</i>	Tỷ lệ <i>Rate (%)</i>
	<i>Approving the Report on the Fund Representative Board's performance results in 2024</i>						
5.	Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2024 <i>Approving the plan of not distributing the Fund's profits in 2024</i>	14.222.100	58,05%	0	0%	0	0%
6.	Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2025 của Quỹ <i>Approving the authorization for the Fund Representative Board to select and decide on the audit firm to audit the Fund's financial statements in fiscal year 2025</i>	14.222.100	58,05%	0	0%	0	0%

## V. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THÔNG QUA/*APPROVED CONTENTS*

Căn cứ kết quả lấy ý kiến Nhà Đầu Tư tại Mục IV nêu trên, các vấn đề sau đây đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ thông qua/*Based on the results of the Investor's opinion in Section IV above, the following issues have been approved by the Fund's Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2024:*

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2024 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2025.  
*Approving the Report on the Fund's performance results in 2024 and investment strategies in 2025.*
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ.



*Approving the Audited 2024 financial statements of the Fund.*

3. Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ hoán đổi danh mục năm 2024 của Ngân Hàng Giám Sát.

*Approving the Supervision report on ETF management activities in 2024 of the Supervisory Bank.*

4. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 của Ban Đại Diện Quỹ.

*Approving the Report on the Fund Representative Board's performance results in 2024.*

5. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2024.

*Approving the plan of not distributing the Fund's profits in 2024.*

6. Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2025 của Quỹ.

*Approving the authorization for the Fund Representative Board to select and decide on the audit firm to audit the Fund's financial statements in fiscal year 2025.*

Biên bản kiểm phiếu này được lập vào thời điểm việc kiểm phiếu kết thúc, vào lúc **11 giờ 30 phút, ngày 25/4/2025** tại trụ sở chính của KIM. Nội dung Biên bản kiểm phiếu đã được các thành viên tham gia việc kiểm phiếu thông qua/*This Vote Counting Minutes was prepared at the time the vote count ended, at 11:30 a.m., April 25, 2025 at KIM's head office address. The contents of the Vote Counting Minutes were approved by the members participating in the vote count.*

[chữ ký ở trang tiếp theo]  
[signatures on next page]



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CÔNG TY TNHH  
QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM  
LEGAL REPRESENTATIVE  
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT  
CO., LTD

TRƯỞNG  
BAN KIỂM PHIẾU  
HEAD OF THE VOTE  
COUNTING COMMITTEE

THÀNH VIÊN  
BAN KIỂM PHIẾU  
MEMBER OF THE VOTE  
COUNTING COMMITTEE



XUÂN HANG JIN

TRẦN PHƯỚC DUY

VÕ XUÂN QUÝ

GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU  
VOTE COUNTING SUPERVISOR

NGÔ THỊ MINH NGHĨA  
Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ  
Chairwoman of the Fund Representative Board



**QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT**  
**KIM GROWTH VNFINSELECT ETF**

Số/No.: 250425/NQ-ĐHNĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

***Independence - Freedom - Happiness***

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2025

*Ho Chi Minh City, April 25, 2025*

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2024**  
**QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT**

**RESOLUTION**  
**ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR FISCAL YEAR 2024**  
**KIM GROWTH VNFINSELECT ETF**

**Căn cứ/Pursuant to:**

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành/*Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and guiding documents for implementation;*
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành/*Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and guiding documents for implementation;*
- Điều Lệ Quỹ của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT (“Quỹ”)/*Fund Charter of KIM Growth VNFINSELECT ETF (“Fund”);*
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư được lập vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày 25/4/2025/*Vote Counting Minutes was made at 11:30 a.m., April 25, 2025.*

**QUYẾT NGHỊ/DECIDE:**

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2024 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2025 đính kèm.  
*Approving the Report on the Fund's performance results in 2024 and investment strategies in 2025 attached.*
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ đính kèm.  
*Approving the Audited 2024 financial statements of the Fund attached.*
3. Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ hoán đổi danh mục năm 2024 của Ngân Hàng Giám Sát đính kèm.  
*Approving the Supervision report on ETF management activities in 2024 of the Supervisory Bank attached.*
4. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 của Ban Đại Diện Quỹ đính kèm.  
*Approving the Report on the Fund Representative Board's performance results in 2024 attached.*
5. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2024.  
*Approving the plan of not distributing the Fund's profits in 2024.*





6. Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2025 của Quỹ.

*Approving the authorization for the Fund Representative Board to select and decide on the audit firm to audit the Fund's financial statements in fiscal year 2025.*

7. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Đại Diện Quỹ, Công ty TNHH quản lý quỹ KIM VIỆT NAM và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

*This Resolution takes effect from the date of signing. The Fund Representative Board, KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd and related individuals, organizations are responsible for implementing this Resolution.*

Thay mặt và đại diện/*For and on behalf of*  
**CÔNG TY TNHH**  
**QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**  
**KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD**



**Vũ Văn Hạng Jin**  
Tổng Giám đốc  
General Director

Thay mặt/*On behalf of*  
**ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**  
**GENERAL MEETING OF INVESTORS**

**Ngô Thị Minh Nghĩa**  
Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ  
*Chairwoman of the Fund Representative Board*



QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT  
*KIM GROWTH VNFINSELECT ETF*

Số/No.: 250328/BC-KQHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

*Independence - Freedom - Happiness*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

*Ho Chi Minh City, March 28, 2025*

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2025**  
**QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT**

**REPORT ON**  
**PERFORMANCE RESULTS IN 2024 AND INVESTMENT STRATEGIES IN 2025**  
**KIM GROWTH VNFINSELECT ETF**

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ NĂM 2024/PERFORMANCE RESULTS IN 2024**

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT (“Quỹ”), do Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam quản lý, có Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 50/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/9/2022.

*KIM Growth VNFINSELECT ETF (“Fund”), managed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd, Certificate of fund establishment registration No. 50/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission on September 22, 2022.*

Trong năm 2024, Quỹ đã theo đuổi chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của chỉ số tham chiếu VNFINSELECT (là chỉ số giá đo Sờ Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng) và không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn chỉ số tham chiếu, cũng như không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán biến động bất lợi.

*In 2024, the Fund has pursued a passive investment strategy with the goal of sticking to the return rate of the reference index VNFINSELECT (which is a price index developed by the Ho Chi Minh City Stock Exchange) and not actively seeking growth higher than the reference index as well as not using defensive measures when the stock market fluctuates adversely.*

Tại ngày 31/12/2024, mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error) của Quỹ là 0,50%, thấp hơn so với quy định của Sờ Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

*On December 31, 2024, the Fund’s Tracking Error compared to the reference index was 0.50%, lower than the regulations set by the Ho Chi Minh City Stock Exchange.*

Danh mục đầu tư của Quỹ đã bám sát khá tốt chỉ số tham chiếu, tính từ ngày kết thúc IPO đến ngày 31/12/2024, chỉ số tham chiếu VNFINSELECT tăng 26,2%, trong khi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tăng 30,1%.

*The Fund’s portfolio has closely followed the reference index quite well, from the IPO end date to December 31, 2024, the VNFINSELECT reference index increased by 26.2%, while the net asset value per fund certificate increased by 30.1%.*





	NAV/CCQ <i>NAV/Fund certificate</i>	Tăng trưởng/ <i>Growth</i>	
		2024	Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn <i>Since the end date of the capital contribution registration</i>
QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT <i>KIM GROWTH VNFINSELECT ETF</i>	13.009,33	+23,5%	+30,1%
Chỉ số tham chiếu <i>Reference index</i>	2.252,39	+21,6%	+26,2%

Tại ngày 31/12/2024, số chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 24,5 triệu đơn vị với quy mô tổng giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2024 đạt 318,73 tỷ đồng.

*On December 31, 2024, the number of outstanding fund certificates was 24.5 million units, with a total net asset value as of December 31, 2024 reaching 318.73 billion Vietnamese dong.*

Tại ngày 31/12/2024, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài là 86,8%.

*At December 31, 2024, foreign investors' holdings were 86.8%.*

Về phân phối lợi nhuận, Quỹ đề xuất không thực hiện phân phối lợi nhuận trong năm 2024 để tái đầu tư.

*Regarding profit distribution, the Fund proposes not to make profit distributions in 2024 for reinvestment.*

## II. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ NĂM 2025/*INVESTMENT STRATEGIES IN 2025*

Mục tiêu đầu tư của Quỹ trong năm 2025 là hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VNFINSELECT trong tất cả các giai đoạn. Để đạt mục tiêu này, Quỹ áp dụng phương pháp đầu tư mô phỏng rổ cổ phiếu VNFINSELECT để giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu.

*The investment goal of the Fund in 2025 is to achieve investment efficiency closely following the actual profitability of VNFINSELECT index in all periods. To achieve this goal, the Fund applies an investment method that simulates the VNFINSELECT stock basket to minimize deviations from the reference index.*

Thay mặt và đại diện/*For and on behalf of*

CÔNG TY TNHH

QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

*KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD*



Yun Hang Jin  
Tổng Giám đốc  
*General Director*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025  
*Ho Chi Minh City, March 28, 2025*

**Kính gửi:** - Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF  
**Respectfully to:** KIM Growth VNFINSELECT/*Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2024 of the KIM Growth VNFINSELECT ETF*;  
- Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam/*KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*

**1. Giới thiệu Ban Đại Diện Quỹ/*Introduction about the Fund Representative Board***

Chủ tịch/*Chairman* : Ngô Thị Minh Nghĩa  
Thành viên độc lập/*Independent Member* : Lê Hoàng Dung  
Thành viên/*Member* : Nguyễn Thị Thanh Lam

**2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024/*Report on activity results in 2024***

Theo quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan, để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình, trong năm 2024 (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024), Ban Đại Diện Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT đã tổ chức **04** cuộc họp định kỳ hằng quý và **05** cuộc họp bất thường theo đề xuất của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam, cụ thể như sau:

*According to the provisions of the Fund Charter and relevant laws, to carry out its responsibilities and powers, in 2024 (from January 1, 2024 to December 31, 2024), the Fund Representative Board of KIM Growth VNFINSELECT ETF has organized 04 regular quarterly meetings and 05 extraordinary meetings as proposed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd, specifically as follows:*

- (i) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp định kỳ hằng quý/*Contents approved at regular quarterly meetings:*
- Cuộc họp định kỳ Quý IV/2023 ngày 16/01/2024/*Regular meeting of the fourth quarter of 2023 on January 16, 2024:*
    - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý IV/2023/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the fourth quarter of 2023.*
    - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý IV/2023/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the fourth quarter of 2023.*
  - Cuộc họp định kỳ Quý I/2024 ngày 16/4/2024/*Regular meeting of the first quarter of 2024 on April 16, 2024:*
    - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý I/2024/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the first quarter of 2024.*
    - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý I/2024/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the first quarter of 2024.*



- Cuộc họp định kỳ Quý II/2024 ngày 18/7/2024/*Regular meeting of the second quarter of 2024 on July 18, 2024:*
  - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý II/2024/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the second quarter of 2024.*
  - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý II/2024/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the second quarter of 2024.*
- Cuộc họp định kỳ Quý III/2024 ngày 18/10/2024/*Regular meeting of the third quarter of 2024 on October 18, 2024:*
  - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý III/2024/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the third quarter of 2024.*
  - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý III/2024/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the third quarter of 2024.*

(ii) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp bất thường/*Contents approved at extraordinary meetings:*

<b>Cuộc họp/Meeting</b>	<b>Nội dung/Content</b>
Cuộc họp bất thường ngày 18/01/2024 <i>Extraordinary meeting on January 18, 2024</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua tài liệu họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT. <i>Approving the meeting documents of the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF.</i></li> </ul>
Cuộc họp bất thường ngày 19/02/2024 <i>Extraordinary meeting on February 19, 2024</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc thành lập Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư tại Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT được tổ chức vào ngày 20/02/2024 với cơ cấu nhân sự gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên. <i>Approving the establishment of the Investor Qualification Review Board at the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF held on February 20, 2024 with a personnel structure of 01 Head of the Board and 01 member.</i></li> <li>- Thông qua nhân sự Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư. <i>Approving the personnel of the Investor Qualification Review Board.</i></li> <li>- Thông qua chức năng và nhiệm vụ của Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư. <i>Approving the functions and tasks of the Investor Qualification Review Board.</i></li> </ul>
Cuộc họp bất thường ngày 29/02/2024 <i>Extraordinary meeting on February 29, 2024</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản là ngày 20/3/2024. <i>Approving the last registration date to exercise the right to attend Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF in the form of collecting Investors' opinions in writing is March 20, 2024.</i></li> </ul>

<p>Cuộc họp bất thường ngày 01/4/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on April 1, 2024</i></p>	<p>- Thông qua tài liệu Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT.</p> <p><i>Approving the meeting documents of the Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF.</i></p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 15/7/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on July 15, 2024</i></p>	<p>- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst &amp; Young Việt Nam (EY) làm đơn vị thực hiện soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính trong năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT. Nội dung cụ thể của hợp đồng dịch vụ kiểm toán với EY (bao gồm phí dịch vụ kiểm toán) giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam đàm phán và quyết định.</p> <p><i>Approving the selection of Ernst &amp; Young Vietnam Limited (EY) as the unit to review and audit the 2024 financial statements of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF. The specific content of the audit service contract with EY (including audit service fee) is assigned to the Legal Representative of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd to negotiate and decide.</i></p>

**Thay mặt và đại diện/For and on behalf of**  
**BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**  
**FUND REPRESENTATIVE BOARD**



**Ngô Thị Minh Nghĩa**  
**Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ**  
*Chairman of the Fund Representative Board*



Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025  
Hanoi, March 31, 2025

**BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC  
NĂM 2024 CỦA QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT  
*SUPERVISION REPORT ON ETF MANAGEMENT ACTIVITIES IN 2024 OF KIM  
GROWTH VNFINSELECT ETF***

Kính gửi: - Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF  
*Respectfully to: KIM GROWTH VNFINSELECT/KIM GROWTH VNFINSELECT  
ETF's General Meeting of Investors for the fiscal year 2024*

- Ban Đại Diện Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/KIM  
*GROWTH VNFINSELECT ETF's Fund Representative Board*

- Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam/KIM Vietnam Fund  
*Management Co., Ltd*

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam xin báo cáo đến Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT ("Quỹ") về việc cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát đối với Quỹ như sau:

*JSC Bank for Foreign Trade of Vietnam would like to report to the General Meeting of Investors for the fiscal year 2024 of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF (the "Fund") on the provision of custody and supervisory services for the Fund as follows:*

**1. Tóm tắt các thông tin chung về Quỹ/Summary information about the Fund**

Tên quỹ/Fund's Name : Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/KIM GROWTH VNFINSELECT ETF

Tên viết tắt/Abbreviated Name : KIM VNFINSELECT ETF

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số/Fund Establishment Registration Certificate No. : 50/GCN-UBCK cấp ngày 22/9/2022  
50/GCN-UBCK dated September 22, 2022

Trụ sở chính/Head Office : Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
*Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 3, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Dựa theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ cho năm tài chính 2024, tình hình biến động vốn của Quỹ trong giai đoạn trên như sau/*Based on the Fund's audited financial statements for*



the fiscal year 2024, the movements in the share capital of the Fund during the above period were as follows:

Chỉ tiêu Item	Đơn vị Unit	Tại ngày/As at 31/12/2023	Phát sinh trong năm/ Movement during the year	Tại ngày/As at 31/12/2024
<b>Vốn góp phát hành</b> <i>Subscription capital</i>				
Số lượng (chứng chỉ quỹ) <i>Quantity (of fund certificate)</i>	CCQ FC	28.000.000	100.000	28.100.000
Giá trị ghi theo mệnh giá <i>Par value</i>	VND	280.000.000.000	1.000.000.000	281.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành <i>Subscription capital premium</i>	VND	(1.008.322.391)	243.492.553	(764.829.838)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ ETF <i>Total value of issued ETF fund certificates</i>	VND	278.991.677.609	1.243.492.553	280.235.170.162
<b>Vốn góp mua lại</b> <i>Redemption capital</i>				
Số lượng (chứng chỉ quỹ) <i>Quantity (of fund certificate)</i>	CCQ FC	-	(3.600.000)	(3.600.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá <i>Par value</i>	VND	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Thặng dư vốn góp mua lại <i>Redemption capital premium</i>	VND	-	(7.142.219.490)	(7.142.219.490)
Tổng giá trị mua lại CCQ <i>Total value of redemption of ETF fund certificate</i>	VND	-	(43.142.219.490)	(43.142.219.490)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b> <i>Number of fund certificates in circulation</i>				
	CCQ FC	28.000.000	(3.500.000)	24.500.000
Giá trị vốn góp hiện hành <i>Current contributed capital</i>	VND	278.991.677.609	(41.898.726.937)	237.092.950.672
Lợi nhuận chưa phân phối <i>Undistributed profits</i>	VND	15.934.771.656	65.709.178.663	81.643.950.319
Giá trị tài sản ròng hiện hành <i>Current NAV</i>	VND	294.926.449.265		318.736.900.991
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ <i>NAV per fund certificate</i>	VND/CCQ NAV/FC	10.533,08		13.009,67
NAV hiện hành trên 1 lô chứng chỉ quỹ ETF <i>Current NAV per ETF Creation Unit</i>	NAV/Lô CCQ NAV/ETF Creation Unit	1.053.308.747		1.300.966.942

(Về chi tiết các thông tin tài chính của Quỹ xin vui lòng tham khảo trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán/Please refer to the Fund's audited financial report for detailed financial information)



**2. Báo cáo về việc giám sát hoạt động quản lý Quỹ của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) đối với Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ Report on the supervision of the Fund’s management activities of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd (“KIM Vietnam”) to KIM GROWTH VNFINSELECT ETF**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Quản lý quỹ đã thực hiện việc lập báo cáo định kỳ theo đúng quy định, cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan đến các giao dịch tài sản mà Quỹ đã thực hiện cho Ngân hàng giám sát (“NHGS”).

*For the fiscal year ending on December 31, 2024, KIM Vietnam made the periodic reports in accordance with the law and relevant regulations and provided all the documents related to the Fund’s asset transactions to the Supervisory Bank.*

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NHGS đối với Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT, Ngân hàng giám sát ghi nhận một số nội dung sau:

*During the performance of the Supervisory Bank’s rights and obligations to KIM GROWTH VNFINSELECT ETF, we had some records as follows:*

**2.1. Cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ/The meeting of the Fund Representative Board according to the notification of KIM Vietnam**

Trong năm 2024 (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024), Ban Đại Diện Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT đã tổ chức các cuộc họp và đã thông qua các nội dung như sau/*In 2024 (from January 1, 2024 to December 31, 2024), the Fund Representative Board of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF has organized meetings and approved the following contents:*

- (i) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp định kỳ hằng quý/*Contents approved at regular quarterly meetings:*
  - Cuộc họp định kỳ Quý IV/2023 ngày 16/01/2024/*Regular meeting of the fourth quarter of 2023 on January 16, 2024:*
    - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý IV/2023/*Approving the Report summarizing the Fund’s activities in the fourth quarter of 2023.*
    - + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý IV/2023/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in in the fourth quarter of 2023.*
  - Cuộc họp định kỳ Quý I/2024 ngày 16/4/2024/*Regular meeting of the first quarter of 2024 on April 16, 2024:*
    - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý I/2024/*Approving the Report summarizing the Fund’s activities in the first quarter of 2024.*
    - + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý I/2024/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the first quarter of 2024.*
  - Cuộc họp định kỳ Quý II/2024 ngày 18/7/2024/*Regular meeting of the second quarter of 2024 on July 18, 2024:*
    - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý II/2024/*Approving the Report summarizing the Fund’s activities in the second quarter of 2024.*
    - + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý II/2024/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the second quarter of 2024.*



- Cuộc họp định kỳ Quý III/2024 ngày 18/10/2024/*Regular meeting of the third quarter of 2024 on October 18, 2024:*
  - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý III/2024/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the third quarter of 2024.*
  - + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý III/2024/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the third quarter of 2024.*

(ii) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp bất thường/*Contents approved at extraordinary meetings:*

<b>Cuộc họp/Meeting</b>	<b>Nội dung/Content</b>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 18/01/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on January 18, 2024</i></p>	<p>- Thông qua tài liệu họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT.</p> <p><i>Approving the meeting documents of the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF.</i></p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 19/02/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on February 19, 2024</i></p>	<p>- Thông qua việc thành lập Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư tại Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT được tổ chức vào ngày 20/02/2024 với cơ cấu nhân sự gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên.</p> <p><i>Approving the establishment of the Investor Qualification Review Board at the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF held on February 20, 2024 with a personnel structure of 01 Head of the Board and 01 member.</i></p> <p>- Thông qua nhân sự Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư.</p> <p><i>Approving the personnel of the Investor Qualification Review Board.</i></p> <p>- Thông qua chức năng và nhiệm vụ của Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư.</p> <p><i>Approving the functions and tasks of the Investor Qualification Review Board.</i></p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 29/02/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on February 29, 2024</i></p>	<p>- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản là ngày 20/3/2024.</p> <p><i>Approving the last registration date to exercise the right to attend Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF in the form of collecting Investors' opinions in writing is March 20, 2024.</i></p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 01/4/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on April 1, 2024</i></p>	<p>- Thông qua tài liệu Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT.</p> <p><i>Approving the meeting documents of the Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF.</i></p>



<p>Cuộc họp bất thường ngày 15/7/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on July 15, 2024</i></p>	<p>- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst &amp; Young Việt Nam (EY) làm đơn vị thực hiện soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính trong năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT. Nội dung cụ thể của hợp đồng dịch vụ kiểm toán với EY (bao gồm phí dịch vụ kiểm toán) giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam đàm phán và quyết định.</p> <p><i>Approving the selection of Ernst &amp; Young Vietnam Limited (EY) as the unit to review and audit the 2024 financial statements of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF. The specific content of the audit service contract with EY (including audit service fee) is assigned to the Legal Representative of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd to negotiate and decide.</i></p>
--	---

## 2.2. Hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của Quỹ/*Investment activities and asset trading of the Fund*

Xin vui lòng xem chi tiết hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của Quỹ đã được đề cập trong “Báo cáo của Ngân hàng giám sát” được đính kèm Báo cáo tài chính được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/*Please refer to the “Report of the Supervisory Bank” attached to the audited financial statements of the Fund for the fiscal year ending December 31, 2024 of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF for detailed information on the investment activities and asset trading.*

## 3. Báo cáo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát, Lưu ký/*Report on the performance of rights and obligations of the Supervisory and Custodian Bank*

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong việc cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký chứng khoán, dịch vụ quản lý tài sản của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT, thể hiện trong một số nội dung như sau/*As the Supervisory Bank of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF, we have fully performed our rights and obligations in providing the services of securities custody and supervision and the service of asset management to the Fund, reflected in some contents as follows:*

- Thực hiện việc lưu ký các tài sản của Quỹ an toàn, đồng thời quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một Công ty Quản lý Quỹ, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát.

*Safety custody of the Fund's assets; separate management of the Fund's assets from KIM Vietnam's assets, the assets of other funds managed by KIM Vietnam, the assets of our customers, and our assets.*

- Việc chuyển giao tài sản của Quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ theo đúng quy định tại Hợp đồng lưu ký - giám sát.

*The transfer of the Fund's assets in investment or divestment is only carried out according to the written request of the KIM Vietnam as prescribed in the Custody - Supervision Contract.*

- Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao dịch chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của Quỹ, các tài khoản của Quỹ. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán.



*Payment for transactions in listed or registered securities must comply with the principles of securities trading concurrently with cash payment and the principles of clearing and settlement as prescribed by law. Payment for other asset transactions must comply with lawful orders or directions of KIM Vietnam and other regulations if relevant. All transfers, money payments, and asset transfers must be done correctly to the Fund's trading partners and accounts. The payment value must be consistent with the asset volume, transaction price, and amount stated in the payment documents.*

- Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của Quỹ.

*Correctly, fully, and promptly comply with lawful orders and directions of KIM Vietnam; fully and promptly perform rights and obligations related to the Fund's ownership of assets.*

- Xác nhận các báo cáo về tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại Ngân hàng.

*Certify reports on assets of the Fund made by KIM Vietnam and ensure that the reported assets are accurate and adequate and correspond to those deposited at the bank.*

- Tham gia và cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

*Attend and provide adequate information at meetings of the Fund's General Meeting of Investors and meetings of the Fund Representative Board but not vote.*

- Thực hiện báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng lưu ký - giám sát.

*Prepare reports and keep them filed according to the law, the Fund Charter, and the Custody - Supervision Contract.*

- Thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

*Supervise the Fund's asset management activities of KIM Vietnam in managing the Fund's assets according to the law and the Fund Charter.*

*Báo Cáo Giám Sát hoạt động của Quỹ hoán đổi danh mục được dựa trên các thông tin, tài liệu và dữ liệu được cung cấp bởi Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo này không bao gồm các vấn đề và các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng giám sát do các thông tin bị che giấu hoặc được cung cấp không chính xác bởi Công ty Quản lý Quỹ.*

*This Supervision Report on ETF management activities is based on the information, documents, and data provided by the KIM Vietnam. This report does not cover matters and events beyond the control of the Supervisory Bank due to concealed or inaccurate information provided by KIM Vietnam.*



**Trương Trung tâm Dịch vụ Khách hàng/Head of the  
Customer Service Department**



## **Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



# Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13
Báo cáo kiểm toán độc lập	14 - 15
Báo cáo thu nhập	16
Báo cáo tình hình tài chính	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF	19
Báo cáo danh mục đầu tư	20 - 21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	22 - 23
Thuyết minh báo cáo tài chính	24 - 53



# Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 50/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 9 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 63.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 6.300.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 245.000.000.000 VND, tương đương với 24.500.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 172/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 6 năm 2022.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 798/QĐ-SGDHCM ngày 26 tháng 10 năm 2022 với mã chứng khoán FUEKIVFS và chính thức giao dịch từ ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Điều lệ hoạt động Quỹ ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNFINSELECT do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

# Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT

## THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Ngô Thị Minh Nghĩa	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 8 năm 2022
Bà Lê Hoàng Dung	Thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 8 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Lam	Thành viên không độc lập	Ngày 15 tháng 8 năm 2022

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Yun Hang Jin  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

#### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

##### 1. Tên của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT ("Quỹ").

##### 2. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VNFINSELECT sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VNFINSELECT là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

##### 3. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/chứng chỉ quỹ (CCQ) là 23,51% so với NAV/CCQ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023;

Trong khi giá trị của chỉ số tham chiếu thay đổi là 21,63% so với tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

##### 4. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu bằng cách đầu tư vào Danh mục Chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu. Khi danh mục trên có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao.

Với việc đầu tư thụ động bám sát chỉ số, Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT hướng tới giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

##### 5. Phân loại Quỹ

Quỹ hoán đổi danh mục.

##### 6. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 50/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

##### 7. Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình

##### 8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 318.736.900.991 VND và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 245.000.000.000 VND, tương đương với số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 24.500.000 chứng chỉ quỹ.

##### 9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chỉ số VNFINSELECT tại thời điểm báo cáo là 2.252,39.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### 10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ Quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn mười (10) tỷ đồng.

Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp nhận.

Nhà Đầu tư có trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

#### 11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

### II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

#### 1. Cơ cấu tài sản quỹ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>%</i>	<i>%</i>
Danh mục chứng khoán	99,74	99,73
Các tài sản khác	0,26	0,27
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	318.736.900.991	294.926.449.265
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	24.500.000	28.000.000
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	13.009,67	10.533,08
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	13.122,62	11.344,91
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.532,80	8.423,82
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo	13.100	10.600
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	13.240	11.290
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	11.150	8.570
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ	23,51%	25,02%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,01%	1,27%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	6,14%	17,37%

(\*) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

**3. Tăng trưởng qua các thời kỳ**

Giai đoạn	Tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm	23,51%	23,51%
3 năm (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập (ngày 22/09/2022) (**)	52,22%	20,53%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	21,63%	21,63%

(\*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(\*\*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm từ khi thành lập:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

#### 1. Kinh tế vĩ mô

Tình hình kinh tế thế giới năm 2024 đã trải qua nhiều bất ổn, cùng những biến động khó lường. Căng thẳng địa chính trị kéo dài, xu hướng toàn cầu hóa đảo ngược, các kịch bản xoay quanh cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ cùng nhiều sự kiện kinh tế - chính trị khác đã khiến bức tranh kinh tế vốn đã phân hóa lại trở nên ngày càng phức tạp hơn. Mặc dù phải đối mặt với những thách thức từ nền kinh tế thế giới cũng như tác động tiêu cực của bão Yagi, GDP của Việt Nam năm 2024 đã đạt con số ấn tượng - tăng trưởng GDP cả năm đạt 7,09%. GDP Quý 4 năm 2024 tăng 7,55%, cho thấy sự mạnh mẽ của nền kinh tế khi duy trì được xu hướng tăng trong 4 quý liền và quý sau cao hơn quý trước. Với đà tăng trưởng cao của năm 2024, Quốc Hội Việt Nam đã đặt mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm 2025 đạt 6,5% - 7%.

Cụ thể, ngành dịch vụ với vai trò là động lực tăng trưởng chính của cả năm, đóng góp 49,46% vào mức tăng trưởng chung của GDP với mức tăng 7,38% so với năm trước. Ngành công nghiệp và xây dựng đóng góp 45,17% vào tăng trưởng GDP, với mức tăng 8,24%. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 5,37% vào mức tăng trưởng GDP của cả nước, với mức tăng 3,27%. Như vậy, các ngành này đã đóng góp vào GDP của Việt Nam đạt hơn 11,51 nghìn tỷ đồng (476,3 tỷ đô la Mỹ) vào năm 2024, với GDP bình quân đầu người tăng lên 4.700 đô la Mỹ, tăng 377 đô la Mỹ so với năm 2023.

Năm 2024, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,63%, phù hợp với mục tiêu của Quốc hội đề ra là dưới 4%. Tháng 12, CPI tăng 0,29% so với tháng trước, chủ yếu do giá dịch vụ y tế, nhà cho thuê và nhiên liệu tăng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc các cơ sở y tế điều chỉnh mức phí dịch vụ theo lương cơ sở cũng như nhu cầu đi lại của người dân tăng vào dịp cuối năm. Lạm phát cơ bản cả năm đạt 2,71%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ tăng 3,87% so với năm 2023, đóng góp 1,3 điểm vào mức tăng chung của CPI tháng 12.

Theo Cục Thống kê Việt Nam (GSO), năm 2024, tổng kim ngạch thương mại của cả nước đạt mức cao ấn tượng 786,29 tỷ đô la Mỹ, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước, với thặng dư thương mại là 24,77 tỷ đô la Mỹ. Sự tăng trưởng này đánh dấu sự phục hồi đáng kể sau mức giảm 4,6 phần trăm được ghi nhận vào năm 2023. Với sự gia tăng hoạt động xuất khẩu, Việt Nam hiện đang vượt qua nhiều đối tác trong khu vực, bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan và Indonesia, nơi báo cáo tốc độ tăng trưởng xuất khẩu từ 1,33 đến 12,7 phần trăm trong cùng kỳ. Ngành nông nghiệp là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam. Mặc dù phải đối mặt với những thách thức như thiên tai, dịch bệnh và thị trường toàn cầu biến động, các ngành công nghiệp dựa trên nông nghiệp đã đạt được những kết quả đáng kể vào năm 2024. Xuất khẩu từ ngành nông, lâm, thủy sản đạt 62,4 tỷ đô la Mỹ, tăng 18,5% so với năm 2023.

Tính chung năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9%. Động lực chính của cả năm 2024 là đến từ sự phục hồi của ngành du lịch khi lượng khách quốc tế trong năm 2024 tăng 39,5% so với năm 2023. Bên cạnh đó, đầu tư công đạt 661,3 nghìn tỷ VND, tăng 3,3% so với năm trước và đạt 84,6% so với kế hoạch năm. Về vốn đầu tư nước ngoài (FDI) năm 2024 báo cáo đạt 38,2 tỷ đô la Mỹ, giảm 3% so với năm trước chủ yếu do góp vốn, mua cổ phần giảm mạnh 48%. Trong đó, tổng vốn FDI đăng ký mới và điều chỉnh đạt 33,7 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2023.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

### 2. Thị trường chứng khoán

Năm 2024 ghi nhận những dấu ấn nổi bật trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bắt đầu những biến động từ tình hình kinh tế toàn cầu. VN-Index khởi đầu năm 2024 tại mốc 1.129,93 điểm - đây cũng chính là vùng điểm số thấp nhất năm. Sau đó chỉ số liên tục đi lên, tiến sát vùng 1.300 điểm vào thời điểm cuối tháng 3. Mốc 1.300 điểm trở thành cột mốc đáng nhớ khi chỉ số khi có tới 6 lần chỉ số chinh phục thất bại ngưỡng kháng cự này (tăng lên trên 1.290 điểm rồi có cú sụt giảm trên 30 điểm). VN-Index kết phiên ngày 31/12 tại 1.266,78 điểm, tăng 136,85 điểm (+12,11%) so với ngày đầu năm.

Tổng thanh khoản cả năm đạt 173,07 tỷ cổ phiếu với 249 phiên giao dịch được diễn ra, trung bình mỗi phiên VN-Index có thanh khoản 695 triệu cổ phiếu. Vốn hóa toàn thị trường tại ngày 31/12 đạt 7.133.367 tỷ đồng. Trong đó, nhóm vốn hóa nhóm ngân hàng 2.128.542 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất với 29,85%; tiếp đến là nhóm công nghiệp (12,41%), bất động sản 11,73%. Năm 2024 cũng chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ trong số lượng tài khoản chứng khoán. Tổng cộng, 2 triệu tài khoản cá nhân trong nước được mở mới, nâng tổng số tài khoản lên 9,3 triệu, đạt hơn 9% dân số Việt Nam, vượt mục tiêu mà Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đã đề ra.

Trong năm 2024, Thông tư 68/2024/TT-BTC đã được ban hành, qua đó gỡ nút thắt quan trọng, tạo hành lang pháp lý thuận lợi giúp chứng khoán Việt Nam tiến gần đến mục tiêu nâng hạng từ cận biên lên mới nổi. Bên cạnh đó, năm 2024 cũng chứng kiến làn sóng bán ròng kỷ lục của nhóm nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường cổ phiếu Việt Nam, với giá trị lên tới 94.445 tỷ đồng. Nguyên nhân chính khiến dòng vốn ngoại chảy ngược mạnh mẽ là cơ hội đầu tư trên nhiều thị trường khác hấp dẫn hơn. Đồng USD tăng giá mạnh và xu hướng bảo hộ được dự báo sẽ tăng hiệu quả của các doanh nghiệp tại thị trường Mỹ. Chỉ số S&P 500 năm 2024 đã tăng trưởng 27%, Bitcoin tăng 149%, vàng thế giới tăng 30% trong khi VN-Index chỉ tăng khoảng 12%. Không chỉ riêng Việt Nam, dòng vốn đầu tư khắp châu Á và các thị trường mới nổi cũng bị rút về các thị trường phát triển, đặc biệt là Mỹ trong bối cảnh các đồng nội tệ sụt giảm giá trị mạnh mẽ.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

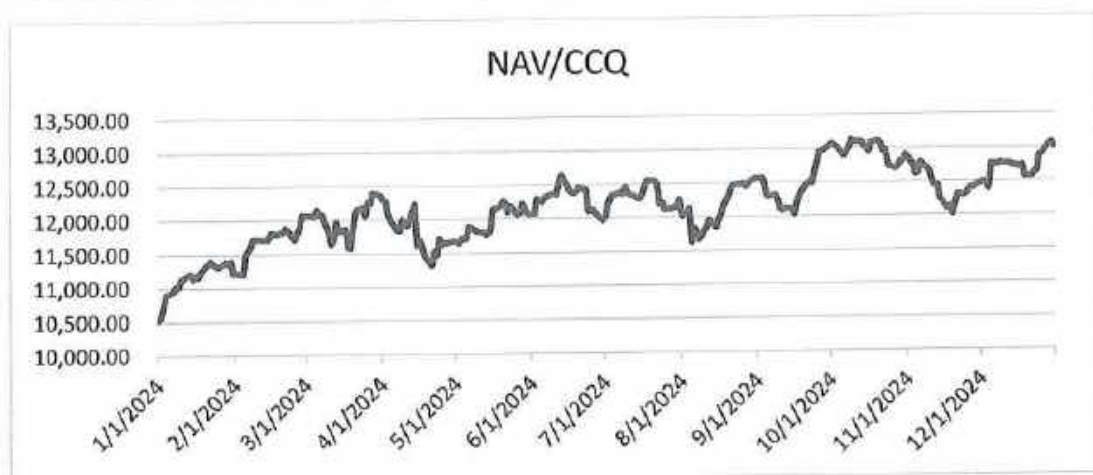
IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm đến thời điểm báo cáo	Từ khi thành lập %
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	23,51%	Không áp dụng	52,22%
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị quỹ	23,51%	Không áp dụng	20,53%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	21,45%	Không áp dụng	73,21%
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ (*)	24,17%	Không áp dụng	77,03%

(\*) Chỉ tiêu này tính từ ngày Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT được chính thức niêm yết trên sàn HSX (Ngày 26 tháng 10 năm 2022).

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong năm 2024:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tỷ lệ thay đổi %
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	318.736.900.991	294.926.449.265	8,07%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	13.009,67	10.533,08	23,51%

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

#### 2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	33	1.897	0,01%
Từ 5.000 đến 10.000	17	29.003	0,12%
Từ 10.000 đến 50.000	2	37.100	0,15%
Từ 50.000 đến 500.000	6	772.500	3,15%
Trên 500.000	9	23.659.500	96,57%
<b>Tổng cộng</b>	<b>67</b>	<b>24.500.000</b>	<b>100,00%</b>

#### 3. Chi phí ngậm và giảm giá

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam cam kết không có chi phí ngậm và giảm giá trong suốt quá trình quản lý hoạt động của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

### V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 được Quốc hội giao Chính phủ là 6,5 - 7%, phần đầu 7 - 7,5%, phản ánh kỳ vọng về sự cải thiện trong hoạt động kinh tế trong năm sau. Đà tăng trưởng này được củng cố bởi các chương trình đầu tư công quy mô lớn, hạ tầng giao thông được đẩy mạnh, cũng như xu hướng ổn định lãi suất. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2025 được dự kiến sẽ tăng khoảng 30% so với giai đoạn trước, đóng vai trò như cú hích then chốt cho phát triển hạ tầng, giao thông, từ đó lan tỏa sang các ngành vật liệu xây dựng, logistics, khu công nghiệp. Các khối ngành được hưởng lợi từ đầu tư công và chính sách tài khóa như bất động sản, xây dựng, công nghiệp hỗ trợ, cùng với nhóm công nghệ, dịch vụ tài chính và năng lượng sạch được dự báo sẽ có những chuyển biến tích cực và đóng vai trò dẫn dắt thị trường.

Mặt khác, những trở ngại được đặt ra cho thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2025 sẽ liên quan đến các yếu tố toàn cầu như chính sách tiền tệ tại Mỹ và những lo ngại về quyết sách về thuế quan, kinh tế trong tương lai của tổng thống Mỹ đương nhiệm vừa nhậm chức Donald Trump, biến động giá dầu, và căng thẳng địa chính trị vẫn có thể gây thách thức cho dòng vốn, khiến triển vọng thị trường mang tính đa chiều, phức tạp.

Năm 2025 cũng mở ra nhiều cơ hội cho thị trường chứng khoán Việt Nam với kỳ vọng nâng hạng được chấp thuận bởi FTSE Russell, MSCI đưa vào Watch list trong 2025 cũng sẽ là yếu tố mang đến những triển vọng cho thị trường. Việc ban hành Thông tư 68/TT-BTC để giải quyết nút thắt pre-funding có thể sẽ được FTSE đánh giá cao, tạo tiền đề để Việt Nam có thể được duyệt nâng hạng vào T09/2025, tiến đến được MSCI nâng hạng trong giai đoạn 2026-2030. Cùng với đó, thị trường Việt Nam cũng đang sở hữu lợi thế định giá hấp dẫn khi P/E, P/B vẫn ở mức thấp hơn so với các nước trong khu vực, tạo cơ hội thu hút được dòng vốn ngoại lớn tham gia thị trường.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN KHÁC

**Thông tin về Nhân sự điều hành quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ**

**Ông Hyun DongSik - Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Ông Hyun DongSik đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như MG Community Credit Cooperatives, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Hyun DongSik tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh tại trường Đại học Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Hyun DongSik được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

**Ông Park ChangKue - Thành viên Hội đồng thành viên**

Ông Park ChangKue đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như SI Securities, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Park ChangKue tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh và ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc tại trường Đại học Kookmin, Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Park ChangKue được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024.

**Ông Yun Hang Jin - Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám Đốc**

Ông Yun Hang Jin đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như Dongwon Asset Management, Korea Investment Management Co., Ltd, Korea Investment Securities. Về học vấn, Ông Yun Hang Jin tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại trường Đại học Yonsei, Hàn Quốc và có chứng chỉ quản lý tài sản và chứng chỉ quản trị rủi ro tài chính (FRM) do Hàn Quốc cấp. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Yun Hang Jin được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám Đốc kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

**Thông tin về Người điều hành Quỹ**

**Ông Huỳnh Tuấn Khánh - Người điều hành Quỹ**

Ông Huỳnh Tuấn Khánh sở hữu chứng chỉ CFA và có hơn 15 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động phân tích và quản lý tài sản. Ông Khánh tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành tài chính - ngân hàng tại Singapore Institute of Management và được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ năm 2012. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam từ năm 2020, ông Khánh đã làm việc tại nhiều tổ chức tài chính như Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) và Văn phòng đại diện Korea Investment Management Co., Ltd tại Tp. Hồ Chí Minh.

**Bà Nguyễn Bảo Hoàng Lê - Người điều hành Quỹ**

Bà Nguyễn Bảo Hoàng Lê sở hữu chứng chỉ CFA và có kinh nghiệm gần 10 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý tài sản và phân tích đầu tư. Bà Lê tốt nghiệp trường Đại học Iowa (Hoa Kỳ) chuyên ngành tài chính - kế toán. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam từ năm 2020, bà Lê đã có nhiều năm làm việc tại các tổ chức danh tiếng về quản lý tài sản như Aegion Companies Investment Management Inc., Cedar Rapids (Hoa Kỳ), Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

**TÔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**YUN HANG JIN**





## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT (“Quỹ”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong năm, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Võ Trí Thanh**

**Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Đoàn Thị Thu Hằng**

Số tham chiếu: 61897579/68472216

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT ("Quỹ"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 16 đến trang 53, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và các thuyết minh báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ***

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoàn đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Phương Nga  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Trần Thị Thu Hiền  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

**BÁO CÁO THU NHẬP**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**B01-ETF**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>68.911.577.055</b>	<b>26.704.200.666</b>
02	1.1 Cổ tức được chia	11	7.688.069.770	2.973.113.000
03	1.2 Tiền lãi được nhận	11	2.587.435	3.434.566
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	12	8.200.435.747	2.429.149.904
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	53.020.484.103	21.298.503.196
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>52.773.246</b>	<b>90.121.409</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	13	52.773.246	90.121.409
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF</b>		<b>3.149.625.146</b>	<b>2.226.290.662</b>
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ ETF		1.906.238.865	1.090.910.659
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	14	285.076.030	282.275.920
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		70.064.442	66.205.553
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		198.000.000	198.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		66.000.000	65.999.992
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	15	344.163.589	263.222.657
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		140.400.000	140.318.519
20.11	3.8 Chi phí hoạt động khác	16	139.682.220	119.357.362
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>65.709.178.663</b>	<b>24.387.788.595</b>
<b>30</b>	<b>V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>65.709.178.663</b>	<b>24.387.788.595</b>
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		12.688.694.560	3.089.285.399
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		53.020.484.103	21.298.503.196
<b>41</b>	<b>VI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>65.709.178.663</b>	<b>24.387.788.595</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Võ Xuân Quý  
 Kế toán

Bà Vũ Thị Lan Hương  
 Phụ trách Kế toán

Ông Yun Heng Jin  
 Tổng Giám đốc





Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>843.477.469</b>	<b>794.082.765</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		843.477.469	794.082.765
111.2	1.1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		843.477.469	794.082.765
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>		<b>318.435.461.200</b>	<b>294.717.613.350</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	318.435.461.200	294.717.613.350
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>319.278.938.669</b>	<b>295.511.696.115</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6	1.500.000	1.500.000
316	2. Chi phí phải trả	7	161.400.000	153.900.000
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	8	379.137.678	429.846.850
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>542.037.678</b>	<b>585.246.850</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF</b>		<b>318.736.900.991</b>	<b>294.926.449.265</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		245.000.000.000	280.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành	9	281.000.000.000	280.000.000.000
413	1.2 Vốn góp mua lại	9	(36.000.000.000)	-
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(7.907.049.328)	(1.008.322.391)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	10	81.643.950.319	15.934.771.656
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>9</b>	<b>13.009,67</b>	<b>10.533,08</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-ETF

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	18	24.500.000	28.000.000

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán

Bà Vũ Thị Lan Hương  
Phụ trách Kế toán



Ông Yun Hang Jin  
Tổng Giám đốc



**Công ty TNHH Quản lý KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**B03-ETF**

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV) đầu năm</b>	<b>294.926.449.265</b>	<b>64.871.254.679</b>
II	<b>Thay đổi NAV trong năm</b>	<b>65.709.178.663</b>	<b>24.387.788.595</b>
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm	65.709.178.663	24.387.788.595
III	<b>Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF</b>	<b>(41.898.726.937)</b>	<b>205.667.405.991</b>
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ ETF	1.243.492.553	205.667.405.991
III.2	- Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ ETF	(43.142.219.490)	-
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối năm</b>	<b>318.736.900.991</b>	<b>294.926.449.265</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán

Bà Vũ Thị Lan Hương  
Phụ trách Kế toán



Ông Yun Hang Jin  
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-ETF

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 %
<b>I</b>	<b>CỔ PHIẾU NIÊM YẾT</b>			<b>318.413.351.200</b>	<b>99,73%</b>
1	ACB	1.287.634	25.800	33.220.957.200	10,40%
2	AGR	20.607	16.950	349.288.650	0,11%
3	BIC	6.100	33.850	206.485.000	0,07%
4	BID	87.908	37.550	3.300.945.400	1,03%
5	BMI	12.882	21.000	270.522.000	0,08%
6	BSI	9.308	48.600	452.368.800	0,14%
7	BVH	23.700	50.700	1.201.590.000	0,38%
8	CTG	258.368	37.800	9.766.310.400	3,06%
9	CTS	12.800	35.500	454.400.000	0,14%
10	EIB	508.001	19.300	9.804.419.300	3,07%
11	EVF	169.612	9.100	1.543.469.200	0,48%
12	FTS	53.890	42.200	2.274.158.000	0,71%
13	HCM	114.660	29.400	3.371.004.000	1,06%
14	HDB	837.654	25.500	21.360.177.000	6,69%
15	LPB	857.589	31.250	26.799.656.250	8,39%
16	MBB	931.275	25.100	23.375.002.500	7,32%
17	MIG	19.655	17.500	343.962.500	0,11%
18	MSB	745.556	11.650	8.685.727.400	2,72%
19	OCB	432.060	11.400	4.925.484.000	1,54%
20	ORS	98.232	14.050	1.380.159.600	0,43%
21	SHB	992.780	10.250	10.175.995.000	3,19%
22	SSB	588.774	16.750	9.861.964.500	3,09%
23	SSI	437.560	26.050	11.398.438.000	3,57%
24	STB	603.600	36.900	22.272.840.000	6,98%
25	TCB	1.463.700	24.650	36.080.205.000	11,30%
26	TPB	420.797	16.650	7.006.270.050	2,19%
27	TVS	29.010	19.700	571.497.000	0,18%
28	VCB	195.895	91.200	17.865.624.000	5,60%
29	VCI	129.200	33.200	4.289.440.000	1,34%
30	VDS	31.499	20.900	658.329.100	0,21%
31	VIB	474.247	19.700	9.342.665.900	2,93%
32	VIX	442.797	9.850	4.361.550.450	1,37%
33	VND	363.775	12.600	4.583.565.000	1,44%
34	VPB	1.398.900	19.200	26.858.880.000	8,41%
<b>II</b>	<b>QUYỀN MUA CỔ PHIẾU</b>				
1	MIRMIG241	19.655	1.125	22.110.000	0,01%



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-ETF

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 %
III 1	<b>TIỀN</b> Tiền gửi ngân hàng			<b>843.477.469</b> 843.477.469	<b>0,26%</b> 0,26%
	<b>TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC</b>			<b>319.278.938.669</b>	<b>100,00%</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán

Bà Vũ Thị Lan Hương  
Phụ trách Kế toán



Ông Yun Hang Jin  
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>		<b>65.709.178.663</b>	<b>24.387.788.595</b>
01.1	Điều chỉnh lãi do việc mua hộ chứng khoán hạn chế	12	(6.861.419.329)	(161.586.043)
02	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư</b>		<b>(52.880.084.103)</b>	<b>(21.158.184.677)</b>
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(53.020.484.103)	(21.298.503.196)
04	Chi phí trích trước		140.400.000	140.318.519
05	<b>3. Lợi nhuận sử dụng vào hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>5.967.675.231</b>	<b>3.068.017.875</b>
20	Tăng các khoản đầu tư		(5.270.404.418)	(53.911.946.861)
07	Giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		-	21.700.000
13	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	(150.000)
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		(132.900.000)	(92.750.000)
17	(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		(50.709.172)	292.289.769
19	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>513.661.641</b>	<b>(50.622.839.217)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ (*)		4.842.553	51.129.277.991
22	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ		(469.109.490)	-
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động tài chính</b>		<b>(464.266.937)</b>	<b>51.129.277.991</b>
40	<b>III. Tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>49.394.704</b>	<b>506.438.774</b>
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>794.082.765</b>	<b>287.643.991</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		794.082.765	287.643.991
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		794.082.765	287.643.991



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**B05-ETF**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>843.477.469</b>	<b>794.082.765</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		843.477.469	794.082.765
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		843.477.469	794.082.765
60	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>		<b>49.394.704</b>	<b>506.438.774</b>

(\*) Bao gồm dòng tiền trong giao dịch chứng khoán hạn chế cho giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán

Bà Vũ Thị Lan Hương  
Phụ trách Kế toán

Ông Yun Heng Jin  
Tổng Giám đốc

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-ETF

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

#### 1.1 Thông tin về Quỹ

##### Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 50/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 9 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 63.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 6.300.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 245.000.000.000 VND, tương đương với 24.500.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 172/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 6 năm 2022.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 798/QĐ-SGDHCM ngày 26 tháng 10 năm 2022 với mã chứng khoán FUEKIVFS và chính thức giao dịch từ ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Điều lệ hoạt động Quỹ ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNFINSELECT do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

##### Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

##### Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

#### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

##### Quy mô vốn

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 63.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 245.000.000.000 VND, tương đương với 24.500.000 chứng chỉ quỹ.

##### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ số Tham chiếu VNFINSELECT sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VNFINSELECT là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

##### Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

###### Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liên ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.

###### Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

##### Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

#### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

##### Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản Cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
  - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục được quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chỉ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

### 2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### 3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### 3.3 Các khoản đầu tư

##### Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

##### Ghi nhận tiếp theo

Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá mua cổ phiếu; hoặc
- Giá trị sổ sách của cổ phiếu

Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm đánh giá và giá ghi sổ của chúng được phản ánh vào khoản mục "*Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện*" trên báo cáo thu nhập.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

**Quyền mua cổ phiếu:** Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### *Nguyên tắc định giá*

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Thông tư 98 như sau:

##### *Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán*

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
  - ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
  - ▶ Giá mua; hoặc
  - ▶ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

##### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

##### *Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư*

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá hoàn đổi hoặc mua vào của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

#### 3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

##### *Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

##### *Vốn góp hoán đổi lại*

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

##### *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

##### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ kế toán là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

##### *Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư*

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT sẽ không phân phối lợi nhuận.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

##### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết*

Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

#### 3.8 *Chi phí*

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền.

##### *Phí quản lý quỹ*

Phí quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý cho Quỹ. Phí quản lý quỹ là  $0,6\% \times \text{NAV/năm}$  và được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí quản lý quỹ cho kỳ định giá = "Tỷ lệ (%) phí dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Phí dịch vụ"  $\times$  "NAV tại ngày trước Ngày định giá"  $\times$  "số ngày thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)".

##### *Phí dịch vụ giám sát*

Phí dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ. Phí dịch vụ giám sát được tính là  $0,02\% \text{ NAV/năm}$  (chưa bao gồm VAT), với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng (chưa bao gồm VAT). Phí dịch vụ trả hàng tháng là tổng phí dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Chi phí (tiếp theo)

##### Phí dịch vụ lưu ký

Phí dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Phí dịch vụ trả hàng tháng là tổng phí dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán từng thời kỳ.

Phí dịch vụ này được quy định theo bảng dưới đây (chưa bao gồm VAT):

Chỉ số	Tiền dịch vụ cung cấp tối thiểu/năm (VND)	Tiền cung cấp dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)		
		Dưới 600 tỷ đồng	Từ 600 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng	Từ 1.000 tỷ đồng trở lên
VNFINSELECT	20.000.000	0,06	0,05	0,04

##### Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị Quỹ trả hàng tháng là tổng phí dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ này được quy định theo bảng dưới đây (chưa bao gồm VAT):

Chỉ số	Tiền dịch vụ cung cấp tối thiểu/năm (VND)	Tiền cung cấp dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)	
		Dưới 1.000 tỷ đồng	Từ 1.000 tỷ đồng trở lên
VNFINSELECT	15.000.000	0,03	0,02

##### Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 1.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 2.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 4.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Chi phí (tiếp theo)

*Phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số tham chiếu*

Phí dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số VNFINSELECT. Phí dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Phí dịch vụ này được quy định theo bảng dưới đây (chưa bao gồm VAT):

Chỉ số	Tiền dịch vụ cung cấp tối thiểu/năm	Tiền cung cấp dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)			
		Dưới 500 tỷ đồng	Từ 500 đến dưới 1.000 tỷ đồng	Từ 1.000 đến dưới 2.000 tỷ đồng	Từ 2.000 tỷ đồng trở lên
VNFINSELECT	165.000.000 (VND)	0,055	0,045	0,035	0,025

*Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu*

Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,05% NAV/năm với mức tối thiểu là 50.000.000 VND/năm (chưa bao gồm VAT). Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

*Thù lao Ban Đại diện Quỹ*

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

*Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán*

Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là 0,03% giá trị giao dịch, tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

##### a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

##### b. Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của quỹ ETF	843.477.469	794.082.765

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch thuần VND	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Cổ phiếu niêm yết Quyền mua chứng khoán	248.445.983.026	318.413.351.200	76.203.634.213	(6.236.266.039)	69.967.368.174	318.413.351.200
	-	22.110.000	22.110.000	-	22.110.000	22.110.000
	<u>248.445.983.026</u>	<u>318.435.461.200</u>	<u>76.225.744.213</u>	<u>(6.236.266.039)</u>	<u>69.989.478.174</u>	<u>318.435.461.200</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Cổ phiếu niêm yết	277.748.619.279	294.717.613.350	20.431.794.887	(3.462.800.816)	16.968.994.071	294.717.613.350
	<u>277.748.619.279</u>	<u>294.717.613.350</u>	<u>20.431.794.887</u>	<u>(3.462.800.816)</u>	<u>16.968.994.071</u>	<u>294.717.613.350</u>
					<u>53.020.484.103</u>	
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập						



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân - Thù lao ban đại diện Quỹ	<b>1.500.000</b>	<b>1.500.000</b>

**7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Trích trước - Phí kiểm toán	140.400.000	140.400.000
Trích trước - Thù lao Ban đại diện Quỹ	13.500.000	13.500.000
Trích trước - Phí quản lý thường niên cho Ủy ban Chứng khoán	7.500.000	-
	<b>161.400.000</b>	<b>153.900.000</b>

**8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Trích trước - Phí quản lý Quỹ ETF	158.543.982	147.469.506
Trích trước - Phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	84.916.741	144.917.839
Trích trước - Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả HOSE	76.863.674	78.958.439
Trích trước - Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	20.000.000	20.000.000
Trích trước - Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	16.500.000	16.500.000
Trích trước - Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	16.500.000	16.500.000
Trích trước - Phí dịch vụ giám sát	5.813.281	5.501.066
	<b>379.137.678</b>	<b>429.846.850</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Phát sinh trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	28.000.000	100.000	28.100.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	280.000.000.000	1.000.000.000	281.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành	(1.008.322.391)	243.492.553	(764.829.838)
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ ETF	278.991.677.609	1.243.492.553	280.235.170.162
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	-	(3.600.000)	(3.600.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại	-	(7.142.219.490)	(7.142.219.490)
Tổng giá trị hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF	-	(43.142.219.490)	(43.142.219.490)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>28.000.000</b>	<b>(3.500.000)</b>	<b>24.500.000</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>278.991.677.609</b>	<b>(41.898.726.937)</b>	<b>237.092.950.672</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>15.934.771.656</b>	<b>65.709.178.663</b>	<b>81.643.950.319</b>
<b>Giá trị tài sản ròng hiện hành</b>	<b>294.926.449.265</b>		<b>318.736.900.991</b>
<b>Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ</b>	<b>10.533,08</b>		<b>13.009,67</b>

10. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Phát sinh trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	(1.034.222.415)	12.688.694.560	11.654.472.145
Lợi nhuận chưa thực hiện	16.968.994.071	53.020.484.103	69.989.478.174
	<b>15.934.771.656</b>	<b>65.709.178.663</b>	<b>81.643.950.319</b>

11. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN TỪ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức được chia	7.688.069.770	2.973.113.000
Cổ tức đã nhận	7.688.069.770	2.973.113.000
Tiền lãi được nhận	2.587.435	3.434.566
	<b>7.690.657.205</b>	<b>2.976.547.566</b>



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**12. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi bán các khoản đầu tư	1.339.016.418	2.267.563.861
Lãi giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	6.861.419.329	161.586.043
	<b>8.200.435.747</b>	<b>2.429.149.904</b>

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Tổng giá trị bán/ giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ giá trị hoán đổi VND	Lãi bán chứng khoán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			
Lãi bán các khoản đầu tư	17.545.140.000	16.206.123.582	1.339.016.418
Lãi trong giao dịch hoán đổi lại CCQ	42.673.110.000	35.811.690.671	6.861.419.329
	<b>60.218.250.000</b>	<b>52.017.814.253</b>	<b>8.200.435.747</b>

**13. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư	26.455.532	44.048.568
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư	26.317.714	46.072.841
	<b>52.773.246</b>	<b>90.121.409</b>

**14. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI KHOẢN ETF**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí dịch vụ lưu ký – bảo quản tài sản	240.000.000	240.000.000
Phí dịch vụ lưu ký trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	44.344.573	23.837.037
Phí dịch vụ lưu ký – giao dịch chứng khoán	731.457	18.438.883
	<b>285.076.030</b>	<b>282.275.920</b>

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**15. PHÍ DỊCH VỤ KHÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ ETF**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí cung cấp dịch vụ tính chỉ số tham chiếu trả HOSE	152.067.652	97.694.809
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	192.095.937	165.527.848
	<b>344.163.589</b>	<b>263.222.657</b>

**16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thù lao Ban đại diện Quỹ	60.000.000	60.000.000
Chi phí quản lý niêm yết của HOSE	30.000.000	30.000.000
Phí thực hiện quyền trả VSD	20.200.000	18.000.000
Chi phí in ấn, gửi thư	17.422.418	1.009.360
Chi phí thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	7.500.000	2.500.000
Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSD	2.500.000	6.000.000
Chi phí ngân hàng	2.059.802	1.848.002
	<b>139.682.220</b>	<b>119.357.362</b>



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**

Giá trị tài sản ròng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	1/1/2024	294.918.574.253	28.000.000	10.532,80	
2	2/1/2024	295.938.635.703	28.000.000	10.569,23	36,43
3	3/1/2024	300.096.278.610	28.000.000	10.717,72	148,49
4	4/1/2024	304.878.643.471	28.000.000	10.888,52	170,80
5	7/1/2024	306.798.552.469	28.000.000	10.957,09	68,57
6	8/1/2024	308.661.444.040	28.000.000	11.023,62	66,53
7	9/1/2024	308.622.087.792	28.000.000	11.022,21	(1,41)
8	10/1/2024	311.214.643.796	28.000.000	11.114,80	92,59
9	11/1/2024	312.090.280.081	28.000.000	11.146,08	31,28
10	14/1/2024	314.042.730.820	28.000.000	11.215,81	69,73
11	15/1/2024	311.601.920.981	28.000.000	11.128,64	(87,17)
12	16/1/2024	313.072.480.581	28.000.000	11.181,16	52,52
13	17/1/2024	312.456.756.061	28.000.000	11.159,16	(22,00)
14	18/1/2024	314.446.600.266	28.000.000	11.230,23	71,07
15	21/1/2024	316.872.337.894	27.900.000	11.357,43	127,20
16	22/1/2024	317.854.402.297	27.900.000	11.392,63	35,20
17	23/1/2024	316.752.590.846	27.900.000	11.353,13	(39,50)
18	24/1/2024	316.094.460.918	27.900.000	11.329,55	(23,58)
19	25/1/2024	315.499.303.912	27.900.000	11.308,21	(21,34)
20	28/1/2024	317.517.543.427	27.900.000	11.380,55	72,34
21	29/1/2024	316.711.239.798	27.900.000	11.351,65	(28,90)
22	30/1/2024	317.689.095.544	27.900.000	11.386,70	35,05
23	31/1/2024	312.954.058.176	27.900.000	11.216,99	(169,71)
24	1/2/2024	313.068.007.835	27.900.000	11.221,07	4,08
25	4/2/2024	312.370.948.842	27.900.000	11.196,09	(24,98)
26	5/2/2024	320.993.207.595	27.900.000	11.505,13	309,04
27	6/2/2024	322.034.502.859	27.900.000	11.542,45	37,32
28	8/2/2024	326.852.320.592	27.900.000	11.715,13	172,68
29	14/2/2024	326.800.685.323	27.900.000	11.713,28	(1,85)
30	15/2/2024	329.385.024.033	27.900.000	11.805,91	92,63
31	18/2/2024	329.031.175.111	27.900.000	11.793,23	(12,68)
32	19/2/2024	329.717.366.168	27.900.000	11.817,82	24,59
33	20/2/2024	329.583.467.536	27.900.000	11.813,02	(4,80)
34	21/2/2024	331.241.609.091	27.900.000	11.872,45	59,43
35	22/2/2024	330.781.124.069	27.900.000	11.855,95	(16,50)
36	25/2/2024	326.744.728.655	27.900.000	11.711,28	(144,67)
37	26/2/2024	329.482.291.648	27.900.000	11.809,40	98,12
38	27/2/2024	331.983.755.538	27.900.000	11.899,05	89,65
39	28/2/2024	336.974.866.934	27.900.000	12.077,95	178,90
40	29/2/2024	336.671.845.025	27.900.000	12.067,09	(10,86)
41	3/3/2024	336.724.318.558	27.900.000	12.068,97	1,88
42	4/3/2024	336.354.376.392	27.900.000	12.055,71	(13,26)
43	5/3/2024	338.858.291.638	27.900.000	12.145,45	89,74
44	6/3/2024	336.868.039.718	27.900.000	12.074,12	(71,33)
45	7/3/2024	337.002.404.128	27.900.000	12.078,93	4,81
46	10/3/2024	329.300.464.349	27.900.000	11.802,88	(276,05)
47	11/3/2024	324.827.859.892	27.900.000	11.642,57	(160,31)



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
48	12/3/2024	325.986.816.664	27.900.000	11.684,11	41,54
49	13/3/2024	333.949.010.877	27.900.000	11.969,49	285,38
50	14/3/2024	330.175.396.198	27.900.000	11.834,24	(135,25)
51	17/3/2024	330.813.493.357	27.900.000	11.857,11	22,87
52	18/3/2024	323.485.015.124	27.900.000	11.594,44	(262,67)
53	19/3/2024	323.053.268.292	27.900.000	11.578,97	(15,47)
54	20/3/2024	331.979.350.130	27.900.000	11.898,90	319,93
55	21/3/2024	338.677.871.461	27.900.000	12.138,99	240,09
56	24/3/2024	339.908.306.425	27.900.000	12.183,09	44,10
57	25/3/2024	336.281.604.904	27.900.000	12.053,10	(129,99)
58	26/3/2024	341.950.211.765	27.900.000	12.256,27	203,17
59	27/3/2024	341.559.157.611	27.900.000	12.242,26	(14,01)
60	28/3/2024	346.079.586.215	27.900.000	12.404,28	162,02
61	31/3/2024	344.774.680.372	27.900.000	12.357,51	(46,77)
62	1/4/2024	342.961.480.722	27.900.000	12.292,52	(64,99)
63	2/4/2024	342.047.298.031	27.900.000	12.259,75	(32,77)
64	3/4/2024	337.118.594.044	27.900.000	12.083,10	(176,65)
65	4/4/2024	334.240.839.669	27.900.000	11.979,95	(103,15)
66	7/4/2024	330.331.119.654	27.900.000	11.839,82	(140,13)
67	8/4/2024	330.323.336.346	27.900.000	11.839,54	(0,28)
68	9/4/2024	334.674.316.911	27.900.000	11.995,49	155,95
69	10/4/2024	333.229.639.607	27.900.000	11.943,71	(51,78)
70	11/4/2024	332.378.775.420	27.900.000	11.913,21	(30,50)
71	14/4/2024	341.044.721.841	27.900.000	12.223,82	310,61
72	15/4/2024	323.991.221.812	27.900.000	11.612,58	(611,24)
73	16/4/2024	325.989.553.239	27.900.000	11.684,21	71,63
74	18/4/2024	319.519.340.990	27.900.000	11.452,30	(231,91)
75	21/4/2024	315.732.374.118	27.900.000	11.316,57	(135,73)
76	22/4/2024	321.536.958.291	27.900.000	11.524,62	208,05
77	23/4/2024	319.816.237.443	27.900.000	11.462,94	(61,68)
78	24/4/2024	326.704.933.710	27.900.000	11.709,85	246,91
79	25/4/2024	324.497.284.979	27.900.000	11.630,72	(79,13)
80	30/4/2024	325.525.374.405	27.900.000	11.667,57	36,85
81	1/5/2024	325.516.899.362	27.900.000	11.667,27	(0,30)
82	2/5/2024	324.628.469.616	27.900.000	11.635,42	(31,85)
83	3/5/2024	326.697.664.967	27.900.000	11.709,59	74,17
84	5/5/2024	326.680.668.337	27.900.000	11.708,98	(0,61)
85	6/5/2024	331.697.094.140	27.900.000	11.888,78	179,80
86	7/5/2024	331.225.010.628	27.900.000	11.871,86	(16,92)
87	8/5/2024	330.575.908.410	27.900.000	11.848,59	(23,27)
88	9/5/2024	329.997.945.357	27.900.000	11.827,88	(20,71)
89	12/5/2024	329.275.161.439	27.900.000	11.801,97	(25,91)
90	13/5/2024	328.393.260.411	27.900.000	11.770,36	(31,61)
91	14/5/2024	328.780.550.239	27.900.000	11.784,24	13,88
92	15/5/2024	330.938.614.549	27.900.000	11.861,59	77,35
93	16/5/2024	338.674.289.250	27.900.000	12.138,86	277,27
94	19/5/2024	340.074.702.248	27.900.000	12.189,05	50,19
95	20/5/2024	342.004.916.990	27.900.000	12.258,24	69,19
96	21/5/2024	340.951.877.050	27.900.000	12.220,49	(37,75)
97	22/5/2024	337.484.673.582	27.900.000	12.096,22	(124,27)
98	23/5/2024	340.064.616.816	27.900.000	12.188,69	92,47



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
99	26/5/2024	336.451.601.078	27.900.000	12.059,19	(129,50)
100	27/5/2024	337.135.527.947	27.900.000	12.083,71	24,52
101	28/5/2024	340.904.012.357	27.900.000	12.218,78	135,07
102	29/5/2024	338.880.329.666	27.900.000	12.146,24	(72,54)
103	30/5/2024	337.270.514.751	27.900.000	12.088,54	(57,70)
104	31/5/2024	336.860.918.402	27.900.000	12.073,86	(14,68)
105	2/6/2024	336.843.416.947	27.900.000	12.073,24	(0,62)
106	3/6/2024	342.858.376.627	27.900.000	12.288,83	215,59
107	4/6/2024	342.566.247.078	27.900.000	12.278,36	(10,47)
108	5/6/2024	341.392.990.434	27.900.000	12.236,30	(42,06)
109	6/6/2024	343.403.900.906	27.900.000	12.308,38	72,08
110	9/6/2024	344.697.632.505	27.900.000	12.354,75	46,37
111	10/6/2024	345.164.664.113	27.900.000	12.371,49	16,74
112	11/6/2024	344.478.009.990	27.900.000	12.346,88	(24,61)
113	12/6/2024	350.258.130.152	27.900.000	12.554,05	207,17
114	13/6/2024	352.476.830.151	27.900.000	12.633,57	79,52
115	16/6/2024	346.880.207.788	27.900.000	12.432,98	(200,59)
116	17/6/2024	345.606.075.507	27.900.000	12.387,31	(45,67)
117	18/6/2024	345.277.118.961	27.900.000	12.375,52	(11,79)
118	19/6/2024	345.936.317.919	27.900.000	12.399,15	23,63
119	20/6/2024	347.448.046.498	27.900.000	12.453,33	54,18
120	23/6/2024	346.766.470.339	27.900.000	12.428,90	(24,43)
121	24/6/2024	337.591.574.806	27.900.000	12.100,05	(328,85)
122	25/6/2024	337.999.794.265	27.900.000	12.114,68	14,63
123	26/6/2024	337.922.230.227	27.900.000	12.111,90	(2,78)
124	27/6/2024	336.417.125.373	27.900.000	12.057,96	(53,94)
125	30/6/2024	333.749.351.022	27.900.000	11.962,34	(95,62)
126	1/7/2024	322.907.576.630	26.900.000	12.003,99	41,65
127	2/7/2024	315.876.259.767	25.900.000	12.195,99	192,00
128	3/7/2024	300.341.152.925	24.400.000	12.309,06	113,07
129	4/7/2024	300.991.165.346	24.400.000	12.335,70	26,64
130	7/7/2024	302.053.174.023	24.400.000	12.379,22	43,52
131	8/7/2024	301.335.806.018	24.400.000	12.349,82	(29,40)
132	9/7/2024	303.852.252.978	24.400.000	12.452,96	103,14
133	10/7/2024	301.764.758.742	24.400.000	12.367,40	(85,56)
134	11/7/2024	301.234.804.994	24.400.000	12.345,68	(21,72)
135	14/7/2024	299.997.004.956	24.400.000	12.294,95	(50,73)
136	15/7/2024	299.658.901.989	24.400.000	12.281,10	(13,85)
137	16/7/2024	301.271.169.219	24.400.000	12.347,17	66,07
138	17/7/2024	304.493.827.034	24.400.000	12.479,25	132,08
139	18/7/2024	306.181.530.025	24.400.000	12.548,42	69,17
140	21/7/2024	305.933.648.848	24.400.000	12.538,26	(10,16)
141	22/7/2024	304.843.962.808	24.400.000	12.493,60	(44,66)
142	23/7/2024	297.598.418.943	24.400.000	12.196,65	(296,95)
143	24/7/2024	298.238.725.421	24.400.000	12.222,89	26,24
144	25/7/2024	295.571.328.976	24.400.000	12.113,57	(109,32)
145	28/7/2024	296.154.631.201	24.400.000	12.137,48	23,91
146	29/7/2024	296.579.098.243	24.400.000	12.154,88	17,40
147	30/7/2024	296.414.562.415	24.400.000	12.148,13	(6,75)
148	31/7/2024	299.286.869.378	24.400.000	12.265,85	117,72
149	1/8/2024	293.183.761.287	24.400.000	12.015,72	(250,13)



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
150	4/8/2024	295.893.725.547	24.400.000	12.126,79	111,07
151	5/8/2024	283.501.343.865	24.400.000	11.618,90	(507,89)
152	6/8/2024	288.845.844.229	24.400.000	11.837,94	219,04
153	7/8/2024	287.318.343.007	24.400.000	11.775,34	(62,60)
154	8/8/2024	284.636.984.612	24.400.000	11.665,45	(109,89)
155	11/8/2024	289.081.010.246	24.400.000	11.847,58	182,13
156	12/8/2024	291.492.085.099	24.400.000	11.946,39	98,81
157	13/8/2024	290.641.923.318	24.400.000	11.911,55	(34,84)
158	14/8/2024	289.663.637.994	24.400.000	11.871,46	(40,09)
159	15/8/2024	289.235.333.726	24.400.000	11.853,90	(17,56)
160	18/8/2024	296.813.473.885	24.400.000	12.164,48	310,58
161	19/8/2024	298.820.154.888	24.400.000	12.246,72	82,24
162	20/8/2024	299.981.097.975	24.400.000	12.294,30	47,58
163	21/8/2024	303.284.621.461	24.400.000	12.429,69	135,39
164	22/8/2024	304.082.290.851	24.400.000	12.462,38	32,69
165	25/8/2024	304.617.291.922	24.400.000	12.484,31	21,93
166	26/8/2024	304.789.794.282	24.400.000	12.491,38	7,07
167	27/8/2024	303.716.474.939	24.400.000	12.447,39	(43,99)
168	28/8/2024	304.755.398.408	24.400.000	12.489,97	42,58
169	29/8/2024	305.474.855.487	24.400.000	12.519,46	29,49
170	31/8/2024	306.583.158.852	24.400.000	12.564,88	45,42
171	3/9/2024	306.558.751.954	24.400.000	12.563,88	(1,00)
172	4/9/2024	302.203.278.901	24.400.000	12.385,38	(178,50)
173	5/9/2024	300.025.118.755	24.400.000	12.296,11	(89,27)
174	8/9/2024	300.529.351.597	24.400.000	12.316,77	20,66
175	9/9/2024	298.708.902.824	24.400.000	12.242,16	(74,61)
176	10/9/2024	295.440.816.098	24.400.000	12.108,23	(133,93)
177	11/9/2024	294.728.543.566	24.400.000	12.079,03	(29,20)
178	12/9/2024	295.651.933.335	24.400.000	12.116,88	37,85
179	15/9/2024	295.516.768.489	24.400.000	12.111,34	(5,54)
180	16/9/2024	293.535.488.146	24.400.000	12.030,14	(81,20)
181	17/9/2024	298.428.282.457	24.400.000	12.230,66	200,52
182	18/9/2024	300.293.414.642	24.400.000	12.307,10	76,44
183	19/9/2024	302.246.677.602	24.400.000	12.387,15	80,05
184	22/9/2024	305.183.714.597	24.400.000	12.507,52	120,37
185	23/9/2024	304.717.310.567	24.400.000	12.488,41	(19,11)
186	24/9/2024	307.942.665.334	24.400.000	12.620,60	132,19
187	25/9/2024	312.629.835.047	24.400.000	12.812,69	192,09
188	26/9/2024	315.726.026.063	24.400.000	12.939,59	126,90
189	29/9/2024	317.408.569.984	24.400.000	13.008,54	68,95
190	30/9/2024	318.190.839.304	24.400.000	13.040,60	32,06
191	1/10/2024	318.904.155.325	24.400.000	13.069,84	29,24
192	2/10/2024	318.346.156.082	24.400.000	13.046,97	(22,87)
193	3/10/2024	317.644.981.015	24.400.000	13.018,23	(28,74)
194	6/10/2024	314.604.845.441	24.400.000	12.893,64	(124,59)
195	7/10/2024	315.946.124.470	24.400.000	12.948,61	54,97
196	8/10/2024	317.181.685.257	24.400.000	12.999,24	50,63
197	9/10/2024	320.192.082.747	24.400.000	13.122,62	123,38
198	10/10/2024	319.557.747.838	24.400.000	13.096,62	(26,00)
199	13/10/2024	319.600.802.385	24.400.000	13.098,39	1,77
200	14/10/2024	318.061.811.839	24.400.000	13.035,32	(63,07)



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
201	15/10/2024	317.211.090.792	24.400.000	13.000,45	(34,87)
202	16/10/2024	315.914.757.644	24.400.000	12.947,32	(53,13)
203	17/10/2024	319.314.163.021	24.400.000	13.086,64	139,32
204	20/10/2024	319.733.686.299	24.400.000	13.103,83	17,19
205	21/10/2024	317.929.211.067	24.400.000	13.029,88	(73,95)
206	22/10/2024	315.905.083.661	24.400.000	12.946,92	(82,96)
207	23/10/2024	316.476.275.510	24.400.000	12.970,33	23,41
208	24/10/2024	310.781.609.976	24.400.000	12.736,95	(233,38)
209	27/10/2024	309.917.856.416	24.400.000	12.701,55	(35,40)
210	28/10/2024	310.676.296.917	24.400.000	12.732,63	31,08
211	29/10/2024	312.440.199.237	24.400.000	12.804,92	72,29
212	30/10/2024	312.740.257.097	24.400.000	12.817,22	12,30
213	31/10/2024	314.662.299.608	24.400.000	12.895,99	78,77
214	3/11/2024	311.312.903.871	24.400.000	12.758,72	(137,27)
215	4/11/2024	307.854.230.046	24.400.000	12.616,97	(141,75)
216	5/11/2024	307.881.498.459	24.400.000	12.618,09	1,12
217	6/11/2024	312.028.546.466	24.400.000	12.788,05	169,96
218	7/11/2024	311.001.566.872	24.400.000	12.745,96	(42,09)
219	10/11/2024	308.638.973.306	24.400.000	12.649,13	(96,83)
220	11/11/2024	304.275.821.130	24.400.000	12.470,32	(178,81)
221	12/11/2024	303.412.183.040	24.400.000	12.434,92	(35,40)
222	13/11/2024	303.584.151.210	24.400.000	12.441,97	7,05
223	14/11/2024	299.900.504.268	24.500.000	12.240,83	(201,14)
224	17/11/2024	296.189.589.234	24.500.000	12.089,37	(151,46)
225	18/11/2024	297.143.600.361	24.500.000	12.128,31	38,94
226	19/11/2024	294.514.857.774	24.500.000	12.021,01	(107,30)
227	20/11/2024	297.730.214.133	24.500.000	12.152,25	131,24
228	21/11/2024	301.537.141.991	24.500.000	12.307,63	155,38
229	24/11/2024	301.092.017.368	24.500.000	12.289,47	(18,16)
230	25/11/2024	301.900.474.568	24.500.000	12.322,46	32,99
231	26/11/2024	303.649.926.812	24.500.000	12.393,87	71,41
232	27/11/2024	303.791.958.106	24.500.000	12.399,67	5,80
233	28/11/2024	304.113.622.004	24.500.000	12.412,80	13,13
234	30/11/2024	305.384.524.650	24.500.000	12.464,67	51,87
235	1/12/2024	305.376.463.333	24.500.000	12.464,34	(0,33)
236	2/12/2024	306.145.694.085	24.500.000	12.495,74	31,40
237	3/12/2024	305.844.609.580	24.500.000	12.483,45	(12,29)
238	4/12/2024	303.446.213.765	24.500.000	12.385,55	(97,90)
239	5/12/2024	312.497.075.385	24.500.000	12.754,98	369,43
240	8/12/2024	312.223.674.163	24.500.000	12.743,82	(11,16)
241	9/12/2024	313.035.602.057	24.500.000	12.776,96	33,14
242	10/12/2024	312.478.993.877	24.500.000	12.754,24	(22,72)
243	11/12/2024	312.565.319.812	24.500.000	12.757,76	3,52
244	12/12/2024	312.703.398.154	24.500.000	12.763,40	5,64
245	15/12/2024	311.774.720.065	24.500.000	12.725,49	(37,91)
246	16/12/2024	311.723.239.377	24.500.000	12.723,39	(2,10)
247	17/12/2024	311.268.758.416	24.500.000	12.704,84	(18,55)
248	18/12/2024	311.989.047.248	24.500.000	12.734,24	29,40
249	19/12/2024	307.937.033.847	24.500.000	12.568,85	(165,39)
250	22/12/2024	307.972.078.404	24.500.000	12.570,28	1,43
251	23/12/2024	309.428.719.283	24.500.000	12.629,74	59,46

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
252	24/12/2024	309.541.387.945	24.500.000	12.634,34	4,60
253	25/12/2024	315.251.954.414	24.500.000	12.867,42	233,08
254	26/12/2024	315.861.083.192	24.500.000	12.892,28	24,86
255	29/12/2024	319.580.923.575	24.500.000	13.044,11	151,83
256	30/12/2024	320.291.240.573	24.500.000	13.073,11	29,00
257	31/12/2024	318.736.900.991	24.500.000	13.009,66	(63,45)

Chi tiết biến động giá trị tài sản ròng trong năm:

<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND)	317.691.883.527	181.808.647.263
Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF		
- Mức cao nhất trong năm (VND)	611,24	569,46
- Mức thấp nhất trong năm (VND)	0,28	0,28
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm		
- Mức cao nhất trong năm (VND)	13.122,62	11.344,91
- Mức thấp nhất trong năm (VND)	10.532,80	8.423,82

**18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</u>
	<u>Chứng chỉ quỹ</u>	<u>Chứng chỉ quỹ</u>
Đến một năm	<b>24.500.000</b>	<b>28.000.000</b>



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			
			Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phi quản lý Quỹ	(147.469.506)	(1.906.238.865)	1.895.164.389	(158.543.982)
	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	(13.500.000)	(60.000.000)	60.000.000	(13.500.000)
						1.906.238.865
						60.000.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ quản trị tài sản là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và phí dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 20.000.000 VND một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			
			Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	794.082.765	(33.696.640.054)	33.746.034.758	843.477.469
		Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	(20.000.000)	(240.000.000)	240.000.000	(20.000.000)
		Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	(44.344.573)	44.344.573	-
		Phải trả dịch vụ giám sát	(5.501.066)	(70.064.442)	69.752.227	(5.813.281)
		Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	(16.500.000)	(198.000.000)	198.000.000	(16.500.000)
		Phí ngân hàng	-	(2.059.802)	2.059.802	-
						Chi phí VND
						240.000.000
						44.344.573
						70.064.442
						198.000.000
						2.059.802



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

	Năm nay (%)	Năm trước (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,01	1,27
Tốc độ vòng quay danh mục	6,14	17,37

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ ETF tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí hoán đổi, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc hoán đổi, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ ETF trong một (1) năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) / 2 \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các khoản tiền gửi thanh toán, có rủi ro lãi suất thấp tại ngày lập báo cáo tài chính.

#### *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết*

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 318.413.351.200 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm 31.841.335.120 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 31.841.335.120 VND.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

### 21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì Quỹ duy trì số dư tiền gửi tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là dự thu cổ tức tại thời điểm cuối năm tài chính có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Bất kỳ lúc nào VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Tài sản</b>			
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	843.477.469	-	843.477.469
Các khoản đầu tư	-	318.435.461.200	318.435.461.200
<b>Tổng tài sản</b>	<b>843.477.469</b>	<b>318.435.461.200</b>	<b>319.278.938.669</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Chi phí phải trả	-	147.900.000	147.900.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	379.137.678	379.137.678
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>527.037.678</b>	<b>527.037.678</b>
<b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>	<b>843.477.469</b>	<b>317.908.423.522</b>	<b>318.751.900.991</b>

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	843.477.469	843.477.469
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	843.477.469	843.477.469
Các khoản đầu tư thuần	318.435.461.200	318.435.461.200
- Cổ phiếu niêm yết	318.413.351.200	318.413.351.200
- Quyền mua cổ phiếu	22.110.000	22.110.000
	<b>319.278.938.669</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Chi phí phải trả	147.900.000	(*)
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	379.137.678	(*)
	<b>527.037.678</b>	

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các quỹ hoán đổi danh mục và các quy định của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, chi phí phải trả, phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

**23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Lan Hương  
Phụ trách Kế toán

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin  
Tổng Giám đốc



# **KIM GROWTH VNFINSELECT ETF**

Financial Statements

For the year ended 31 December 2024





# KIM Growth VNFINSELECT ETF

## CONTENTS

	Page
General information	1 - 2
Report of the Executive Board of Fund Management Company	3
Report of the Fund Management Company	4 - 12
Report of the Supervisory Bank	13
Independent auditors' report	14 - 15
Income statement	16
Statement of financial position	17 - 18
Statement of changes in net assets, trading of ETF fund units	19
Statement of investment portfolio	20 - 21
Cash flow statement	22 - 23
Notes to the financial statements	24 - 53

# KIM Growth VNFINSELECT ETF

## GENERAL INFORMATION

### FUND

Exchange - traded Fund KIM Growth VNFINSELECT ETF ("the Fund", "KIM Growth VNFINSELECT ETF") was established in Vietnam pursuant to the Certificate of Public Fund establishment registration No. 50/GCN-UBCK was issued by the State Securities Commission on 22 September 2022. The Fund is not limited in term of operation.

The Fund's initial charter capital (capital mobilized during the initial public offering of fund units) as defined in the Establishment of the Public Fund Licence is 63 billion Vietnam Dong ("VND"). According to this licence, the Fund is authorized to issue 6,300,000 fund units to the public at a par value of VND 10,000 per unit during the initial public offering. During the operation of the Fund, the Fund is authorized to issue and exchange its fund units with a par value of VND10,000 per unit. The exchange price for a batch of fund units in the subsequent issuances is determined by the net asset value per batch of fund units calculated on the date prior to the transaction date, plus the issuance fee (if any). The re-exchange price of a fund unit is determined by the net asset value per fund unit calculated on the date prior to the transaction date minus the acquisition cost (if any). As at 31 December 2024, the Fund's contributed capital was VND245,000,000,000 at par value, equivalent to 24,500,000 fund units.

The Fund was established in Vietnam pursuant to the Certificate of Registration for Public Offering of Securities Investment Fund Certificates No. 172/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission ("the SSC") on 21 June 2022.

The Fund units are listed at Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") according to Decision No. 798/QĐ-SGDHCM dated 26 October 2022 with the stock code FUEKIVFS and officially traded from 11 November 2022.

The Fund's Charter was issued on 15 August 2022.

The investment objective of KIM Growth VNFINSELECT ETF is to simulate the movement of the benchmark index after subtracting the Fund's costs. Benchmark index is VNFINSELECT developed and managed by HOSE.

Fund contact address: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd, Unit No. 6.02, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 3, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam.

### SUPERVISORY BANK

The Supervisory Bank of the Fund is Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam.

The Supervisory Bank is appointed by the General Investors' Meeting, conducts securities depository, stores economic contracts and records the Fund's assets, and supervises the Fund's operations. Rights and obligations of the Supervisory Bank are specified in the Fund Charter.

### FUND MANAGEMENT COMPANY

KIM Growth VNFINSELECT ETF is managed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd ("Fund Management Company"). KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd was established in Vietnam under License No. 59/UBCK-GP by the by the SSC for the first time on 1 October 2020 (as amended and supplemented from time to time), and is an authorized representative of the Fund, on behalf of the Fund to exercise ownership rights to the Fund's assets honestly and prudently. The Fund Management Company complies with the law and the Fund Management Company's charter, manages the Fund's assets in accordance with the Fund Charter, complies with the rules of professional ethics, voluntarily, fairness, honesty, and in the best interests of the Fund.



# KIM Growth VNFINSELECT ETF

## GENERAL INFORMATION (continued)

### BOARD OF REPRESENTATIVES

The members of the Board of Representatives during the year and at the date of this report are:

<i>Name</i>	<i>Title</i>	<i>Date of appointment</i>
Ms. Ngo Thi Minh Nghia	Chairman, Independent member	15 August 2022
Ms. Le Hoang Dung	Independent member	15 August 2022
Ms. Nguyen Thi Thanh Lam	Member	15 August 2022

### LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Fund Management Company during the year and at the date of this report is Yun Hang Jin – General Director of KIM Vietnam Fund Management Company., Ltd.

### AUDITOR

The auditor of the Fund is Ernst & Young Vietnam Limited.

# KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

## KIM Growth VNFINSELECT ETF

### REPORT OF EXECUTIVE BOARD OF FUND MANAGEMENT COMPANY

The Executive Board of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd ("the Fund Management Company") is pleased to present this report and the financial statements of the Fund for the year ended 31 December 2024.

#### STATEMENT OF RESPONSIBILITY OF EXECUTIVE BOARD OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

The Executive Board of the Fund Management Company is responsible for the financial statements of each financial period which give a true and fair view of the financial position and the investment portfolio of the Fund in 31 December 2024, the results of its operations, its changes in net assets, trading of ETF fund units and its cash flows for the year. In preparing those financial statements, the Executive Board of the Fund Management Company is required to:

- ▶ select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- ▶ make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- ▶ state whether applicable accounting standards have been followed by the Fund, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements; and
- ▶ prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Fund will continue its business.

The Executive Board is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Fund and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Fund and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Executive Board confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying financial statements for the year ended 31 December 2024.

#### STATEMENT BY THE EXECUTIVE BOARD

The Executive Board of the Fund Management Company does hereby state that, in its opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position and the investment portfolio of the Fund as at 31 December 2024, the results of its operations, its changes in net assets, trading of ETF fund units and its cash flows for the year ended 31 December 2024 in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System applicable to exchange-traded funds and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of exchange-traded funds' financial statements.



Mr. Yun Heng Jin  
General Director

Ho Chi Minh City, Vietnam

28 March 2025



# KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

## KIM Growth VNFINSELECT ETF

### REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY

#### I. GENERAL INFORMATION

##### 1. Name of the Fund

KIM Growth VNFINSELECT ETF ("the Fund").

##### 2. Investment objectives

The investment objective of the Fund is to simulate the volatility of the benchmark VNFINSELECT Index of after subtracting the Fund's costs. The benchmark index is the VNFINSELECT Index developed and managed by the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE"). Objectives of the Fund are set in accordance with the Establishment Registration Certificate issued by the State Securities Commission, the Fund Charter and the Fund's prospectus.

##### 3. Performance of the Fund

According to the Fund's interim financial statements, its net asset value ("NAV") as at 31 December 2024 is 23.51% compared with those at as 31 December 2023;

Whilst the benchmark index increase 21.63% since inception.

##### 4. Fund's Investment policies and strategies

KIM Growth VNFINSELECT ETF will apply a passive investment strategy with the profit target in line with the Index in all periods. The Fund does not actively seek growth above the Index, nor does it use defensive measures when the stock market has adverse movement and does not make realized gain when the market is overvalued.

With the passive investment strategy with the profit target in line with the Index, KIM Growth VNFINSELECT ETF aims to reduce cost and simulate closer to the benchmark by maintaining a lower capital investment turnover ratio than funds apply active investment strategy.

##### 5. Fund Classification

Exchange-traded fund.

##### 6. Time of operation of the Fund

The Fund is granted the Certificate of Public Fund Establishment Registration No. 50/GCN-UBCK by the State Securities Commission ("the SSC") on 22 September 2022, accordingly, the Fund is not limited in term of operation.

##### 7. Risk level of the Fund: Medium

##### 8. Size of the Fund at the reporting date

As at 31 December 2024, the net asset value of the Fund was VND318,736,900,991 and the Fund's contributed capital was VND245,000,000,000 at par value equivalent to 24,500,000 fund units.

##### 9. Benchmark index

As at 31 December 2024, the VNFINSELECT Index at the time of reporting is 2,252.39.

# KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

## KIM Growth VNFINSELECT ETF

### REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

#### I. GENERAL INFORMATION (continued)

##### 10. Profit distribution policy

Profit distribution payment of the Fund to ensure the principle:

- In accordance with the profit distribution policy specified in the Fund's charter;
- To be performed after the Fund has fulfilled its tax obligations and other financial obligations as prescribed by law and fully set aside the funds specified in the Fund Charter (if any);
- After payment, the Fund still has to ensure that it has capital to pay all debts and other property obligations and ensure that the net asset value is not lower than ten (10) billion Vietnam Dong.

In case of distribution of profits by Fund Certificates, the Fund must have sufficient counterpart resources from undistributed after-tax profits based on the most recent audited or reviewed financial statements.

The form of profit distribution can be in cash or in Fund Certificates.

The profit distribution of the Fund is made on the basis of the proposal of the Fund Management Company and must be accepted by the General Meeting of Investors or the Board of Representatives (if authorized).

Investors included in the List of Investors at the Trading Date announced by the Fund Management Company for the distribution of profits ("List Closing Date") are deemed eligible to receive the distributed profits. In case the Investor has transferred the Fund Certificates during the period between the Listing Closing Date and the time of payment, the transferor is the recipient of the profit.

##### 11. Net profits distribution per fund unit

During the year, the Fund did not distribute profit to investors.

#### II. PERFORMANCE RESULTS

##### 1. Asset allocation

	31 December 2024 %	31 December 2023 %
Securities	99.74	99.73
Other assets	0.26	0.27
<b>Total</b>	<b>100.00</b>	<b>100.00</b>



# KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

## KIM Growth VNFINSELECT ETF

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

### II. PERFORMANCE RESULTS (continued)

#### 2. Performance indicators

	Items	31 December 2024	31 December 2023
1	NAV of the Fund (VND)	318,736,900,991	294,926,449,265
2	Number of outstanding fund units (units)	24,500,000	28,000,000
3	NAV per fund unit (VND)	13,009.67	10,533.08
4	NAV per fund unit – highest during the year (VND)	13,122.62	11,344.91
5	NAV per fund unit – lowest during the year (VND)	10,532.80	8,423.82
6	Closing price of fund unit at the reporting date (VND)	13,100	10,600
7	Closing price of fund unit – highest during the year (VND)	13,240	11,290
8	Closing price of fund unit – lowest during the year (VND)	11,150	8,570
9	Total growth per fund unit (%)	23.51%	25.02%
10	Gross distribution per fund unit (*)	Not applicable	Not applicable
11	Net distribution per fund unit (*)	Not applicable	Not applicable
12	Ex-date of distribution (*)	Not applicable	Not applicable
13	Operating expenses/Average NAV (%)	1.01%	1.27%
14	Turnover of investment portfolio (%)	6.14%	17.37%

(\*) The Fund has not applied distribution profit policy.

#### 3. Growth over periods

Period	Total growth of NAV per fund unit	Annual growth of NAV per fund unit
1 year	23.51%	23.51%
3 years (*)	Not applicable	Not applicable
Since inception (**)	52.22%	20.53%
Growth of the benchmark index	21.63%	21.63%

(\*) The formula for calculating annual growth over a 3-year period:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(\*\*) The formula for calculating annual growth since inception:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$

# KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

## KIM Growth VNFINSELECT ETF

### REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

#### III. MARKET UPDATES

##### 1. Macroeconomics overview

2023 is a year in which the global economy faces numerous challenges and instability, and Vietnam is also part of the general trend affected by these fluctuations. Inflation has slightly decreased but remains at a high level, with many countries maintaining tight monetary policies and high interest rates. Global trade, consumption, and investment continue to decline due to increased trade protection measures. Nevertheless, in 2023, the Vietnamese economy has still achieved many positive accomplishments and received high evaluations from international organizations.

The global economic situation in 2024 has experienced many instabilities and unpredictable fluctuations. Prolonged geopolitical tensions, the reversal of globalization trends, scenarios surrounding the U.S. presidential election, and various other economic-political events have made the already fragmented economic picture increasingly complex. Despite facing challenges from the global economy and the negative impacts of Typhoon Yagi, Vietnam's GDP in 2024 achieved an impressive figure - the annual GDP growth reached 7.09%. The GDP in the fourth quarter of 2024 increased by 7.55%, demonstrating the strength of the economy as it maintained an upward trend for four consecutive quarters, with each quarter higher than the previous one. With the high growth momentum of 2024, the Vietnamese National Assembly has set a GDP growth target for 2025 at 6.5% - 7%.

Specifically, the service sector, as the main growth driver for the entire year, contributed 49.46% to the overall GDP growth with an increase of 7.38% compared to the previous year. The industrial and construction sector contributed 45.17% to GDP growth, with an increase of 8.24%. The agriculture, forestry, and fisheries sector contributed 5.37% to the country's GDP growth, with an increase of 3.27%. Thus, these sectors contributed to Vietnam's GDP reaching over 11.51 trillion VND (476.3 billion USD) in 2024, with the GDP per capita rising to 4,700 USD, an increase of 377 USD compared to 2023.

In 2024, the Consumer Price Index (CPI) increased by 3.63%, in line with the National Assembly's target of below 4%. In December, the CPI increased by 0.29% compared to the previous month, mainly due to rising prices of medical services, rental housing, and fuel. The primary reason was the adjustment of service fees by medical facilities according to the base salary, as well as increased travel demand at the end of the year. The core inflation for the entire year reached 2.71%. The food and service group increased by 3.87% compared to 2023, contributing 1.3 points to the overall CPI increase in December.

According to the General Statistics Office of Vietnam (GSO), in 2024, the total trade turnover of the country reached an impressive high of 786.29 billion USD, an increase of 15.4% compared to the same period last year, with a trade surplus of 24.77 billion USD. This growth marks a significant recovery after a 4.6 percent decline recorded in 2023. With this increase in export activities, Vietnam is now surpassing many regional partners, including China, South Korea, Thailand, and Indonesia, which reported export growth rates ranging from 1.33 to 12.7 percent in the same period. The agriculture sector is a crucial driver of Vietnam's export growth. Despite facing challenges such as natural disasters, diseases, and volatile global markets, agriculture-based industries achieved remarkable results in 2024. Exports from the agriculture, forestry, and fisheries sector reached 62.4 billion USD, an increase of 18.5% compared to 2023.



# KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

## KIM Growth VNFINSELECT ETF

### REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

#### III. MARKET UPDATES (continued)

##### 1. Macroeconomics overview (continued)

The total retail sales of goods and consumer service revenue in 2024 increased by 9%. The main driver for the entire year of 2024 was the recovery of the tourism sector, with the number of international visitors in 2024 increasing by 39.5% compared to 2023. Additionally, public investment reached 661.3 trillion VND, an increase of 3.3% compared to the previous year and achieving 84.6% of the annual plan. Regarding foreign direct investment (FDI) in 2024 reported 38.2 billion USD, a decrease of 3% compared to the previous year, mainly due to a sharp 48% decline in capital contributions and share purchases. Of this, the total newly registered and adjusted FDI capital reached 33.7 billion USD, an increase of 10% compared to 2023.

##### 2. Stock market

The year 2024 marked significant milestones in the Vietnamese stock market, despite the fluctuations from the global economic situation. The VN-Index in 2024 started at 1,129.93 points, which was also the lowest point of the year. The index then continuously rose, approaching the 1,300-point mark by the end of March. The 1,300-point mark became a memorable milestone as the index failed to surpass this resistance level six times (rising above 1,290 points and then dropping by over 30 points). The VN-Index closed on December 31 at 1,266.78 points, up 136.85 points (+12.11%) compared to the beginning of the year.

The total liquidity for the year reached 173.07 billion shares with 249 trading sessions, averaging 695 million shares per session on the VN-Index. The market capitalization as of December 31 was 7,133,367 billion VND. Among this, the banking sector had the largest market capitalization at 2,128,542 billion VND, accounting for 29.85%; followed by the industrial sector (12.41%) and real estate (11.73%). The year 2024 also saw a significant increase in the number of stock trading accounts. A total of 2 million new domestic individual accounts were opened, bringing the total number of accounts to 9.3 million, surpassing 9% of Vietnam's population, exceeding the target set by the Stock Market Development Strategy to 2030.

In 2024, Circular 68/2024/TT-BTC was issued, removing important bottlenecks and creating a favorable legal framework to help Vietnamese securities move closer to the goal of upgrading from frontier to emerging market status. Additionally, 2024 witnessed a record wave of net selling by foreign investors in the Vietnamese stock market, with a value of up to 94,445 billion VND. The main reason for the strong outflow of foreign capital was the more attractive investment opportunities in many other markets. The strong appreciation of the USD and the forecasted increase in protectionism were expected to enhance the efficiency of businesses in the U.S. market. The S&P 500 Index grew by 27% in 2024, Bitcoin increased by 149%, and global gold prices rose by 30%, while the VN-Index only increased by about 12%. Not only in Vietnam, but investment capital across Asia and emerging markets was also withdrawn to developed markets, especially the U.S., in the context of significant depreciation of local currencies.

# KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

## KIM Growth VNFINSELECT ETF

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

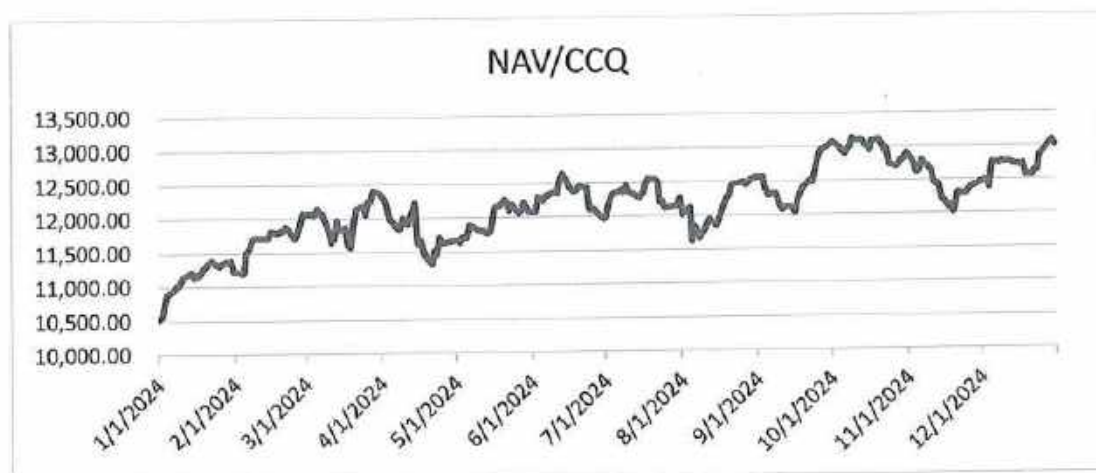
### IV. DETAILS OF THE FUND'S PERFORMANCE RESULTS

#### 1. Details of the Fund's performance indicators

	1 year to the reporting date (%)	3 years to the reporting date (%)	Since inception to the reporting date (%)
Total growth of NAV per fund unit	23.51%	Not applicable	52.22%
Annual growth of NAV per fund unit	23.51%	Not applicable	20.53%
Growth of structural portfolio	21.45%	Not applicable	73.21%
Change in market value of a fund unit (*)	24.17%	Not applicable	77.03%

(\*) This target is calculated from the date the fund unit was officially listed on the HSX (26 October 2022).

The Fund's monthly growth chart during the year:



Changes in NAV

	As at 31 December 2024 VND	As at 31 December 2023 VND	Variance (%)
NAV of the Fund	318,736,900,991	294,926,449,265	8.07%
NAV per fund unit	13,009.67	10,533.08	23.51%

#### 2. Fund unit holders analysis as at reporting date

Number of fund units	Number of fund unit holders	Number of fund units	The proportion of holding
Less than 5,000	33	1,897	0.01%
From 5,000 to 10,000	17	29,003	0.12%
From 10,000 to 50,000	2	37,100	0.15%
From 50,000 to 500,000	6	772,500	3.15%
More than 500,000	9	23,659,500	96.57%
<b>Total</b>	<b>67</b>	<b>24,500,000</b>	<b>100.00%</b>



# KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

## KIM Growth VNFINSELECT ETF

### REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

#### IV. DETAILS OF THE FUND'S PERFORMANCE RESULTS (continued)

##### 3. Sunk cost and discounts

KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd committed that no sunk cost and discounts incurred during the management of the Fund; as well as maintained the independence requirements in fund management.

#### V. MARKET PROSPECTS

The economic growth target for 2025 set by the National Assembly for the Government is 6.5 - 7%, striving for 7 - 7.5%, reflecting expectations for improved economic activity in the coming year. This growth momentum is supported by large-scale public investment programs, enhanced transportation infrastructure, and a trend towards stable interest rates. The disbursement rate of public investment capital in 2025 is expected to increase by about 30% compared to the previous period, acting as a key driver for the development of infrastructure and transportation, which will subsequently benefit the construction materials, logistics, and industrial park sectors. Sectors benefiting from public investment and fiscal policies such as real estate, construction, supporting industries, along with technology, financial services, and clean energy are forecasted to experience positive changes and lead the market.

On the other hand, challenges for the Vietnamese stock market in 2025 will be related to global factors such as monetary policy in the U.S. and concerns about the economic and tariff policies of the newly U.S. President Donald Trump, oil price fluctuations, and geopolitical tensions, which could pose challenges for capital flows, making the market outlook multidimensional and complex.

The year 2025 also opens up many opportunities for the Vietnamese stock market with the expectation of an upgrade being approved by FTSE Russell, and MSCI placing Vietnam on the Watch List in 2025, which will bring positive prospects for the market. The issuance of Circular 68/TT-BTC to resolve the pre-funding bottleneck could be highly regarded by FTSE, paving the way for Vietnam to be granted upgrade approval in September 2025 for the 2026-2030 period. Additionally, the Vietnamese market holds an attractive valuation advantage with P/E and P/B ratios still lower than those of other countries in the region, creating opportunities to attract significant foreign capital into the market.

# KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

## KIM Growth VNFINSELECT ETF

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

### VI. OTHER INFORMATION

#### **Information about the Fund Management Personnel and the Executive Board of the Fund Management Company**

##### **Mr. Hyun DongSik - Chairman of the Members' Council**

Mr. Hyun DongSik has held key positions at various financial institutions in South Korea such as MG Community Credit Cooperatives, Korea Investment Management Co., Ltd. Academically, Mr. Hyun DongSik graduated with a bachelor's degree in business administration from Korea University. At KIM Vietnam Fund Management Company Limited (KIM Vietnam), Mr. Hyun DongSik has been elected as the Chairman of the Members' Council since 22 July 2024.

##### **Mr. Park ChangKue - Member of the Members' Council**

Mr. Park ChangKue has held key positions at various financial institutions in South Korea such as SI Securities, Korea Investment Management Co., Ltd. In terms of education, Mr. Park ChangKue graduated with a bachelor's degree in business administration and Korean language and literature from Kookmin University, South Korea. At KIM Vietnam Fund Management Company Limited, Mr. Park ChangKue has been appointed as a Member of the Members' Council since 28 June 2024.

##### **Mr. Yun Hang Jin - Member of the Members' Council and General Director**

Mr. Yun Hang Jin has held key positions at various financial institutions in South Korea such as Dongwon Asset Management, Korea Investment Management Co., Ltd, Korea Investment Securities. Academically, Mr. Yun Hang Jin holds a Master's degree in Economics from Yonsei University, South Korea, and has certifications in asset management and financial risk management (FRM) issued by South Korea. At KIM Vietnam Fund Management Company Limited, Mr. Yun Hang Jin has been appointed as the General Director since 22 July 2024.

#### **Information about the Fund Management Personnel**

##### **Mr. Huynh Tuan Khanh - Fund Manager**

Mr. Huynh Tuan Khanh holds a CFA certification and has over 15 years of experience in analysis and asset management. Mr. Khanh graduated with a bachelor's degree in finance and banking from the Singapore Institute of Management and was awarded a fund management practice certificate in 2012. Before joining KIM Vietnam Fund Management Company Limited in 2020, Mr. Khanh worked at several financial institutions such as Viet Dragon Securities Corporation, Manulife Investment Management (Vietnam) LLC, and the representative office of Korea Investment Management Co., Ltd in Ho Chi Minh City.

##### **Ms. Nguyen Bao Hoang Le - Fund Manager**

Ms. Nguyen Bao Hoang Le holds a CFA certification and has nearly 10 years of experience in asset management and investment analysis. Ms. Le graduated from the University of Iowa (USA) with a major in finance and accounting. Before joining KIM Vietnam Fund Management Company Limited in 2020, Ms. Le worked for several years at prestigious asset management organizations such as Aegon Companies Investment Management Inc., Cedar Rapids (USA), and BIDV Securities Joint Stock Company.



**KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD**  
**KIM Growth VNFINSELECT ETF**

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

**VI. OTHER INFORMATION** (continued)

*Ho Chi Minh City, 28 March 2025*  
**GENERAL DIRECTOR**  
**KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD**  
*(Sign, write full name and stamp)*



**YUN HANG JIN**

## SUPERVISORY BANK'S REPORT

We, appointed as Supervisory Bank of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF ("the Fund") for the financial year ended 31 December 2024, recognize that the Fund operated and was managed in the following matters:

- a) During our supervision of the Fund's investment and asset transactions during the financial year ended 31 December 2024, the Fund complied with investment restriction under the prevailing regulations for exchange-traded funds, Fund Prospectus and other relevant regulations.
- b) Assets Valuation and Pricing of KIM GROWTH VNFINSELECT ETF were carried out in accordance with the Fund Charter, Fund Prospectus and other prevailing regulations.
- c) During the period, the Fund's subscriptions and redemptions were carried out in accordance with Fund Charter, Fund Prospectus and other prevailing regulations.
- d) During the financial year ended 31 December 2024, the Fund did not pay out dividend for its investors.

**SUPERVISORY BANK REPRESENTATIVE**



**Tri Thanh**  
Head of Customer Services and Treasury Back Department

**SUPERVISORY BANK OFFICER**



**Doan Thi Thu Hang**



Reference: 61897579/68472216

## INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

**To: The Investors of KIM Growth VNFINSELECT ETF**

We have audited the accompanying financial statements of KIM Growth VNFINSELECT ETF ("the Fund"), as prepared on 28 March 2025 and set out on pages 16 to 53, which comprise the statement of financial position, the statement of investment portfolio as at 31 December 2024, the income statement, the statement of changes in net asset value, subscriptions and redemptions of ETF fund units and the cash flow statement for the year ended 31 December 2024 and the notes thereto.

### *The Executive Board of the Fund Management Company's responsibility*

The Executive Board of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd as the Fund Management Company is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System applicable to exchange-ended funds and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of exchange-ended funds' financial statements, and for such internal control as the Executive Board of the Fund Management Company determines is necessary to enable the preparation and presentation of the financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

### *Auditors' responsibility*

Our responsibility is to express an opinion on the financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

### *Opinion*

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position, investment portfolio of the Fund as at 31 December 2024, and of the results of its operations, its changes in net asset value, trading of ETF fund units and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System applicable to open-ended funds and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of open-ended funds' financial statements.

**Ernst & Young Vietnam Limited**



Nguyễn Phương Nga  
Deputy General Director  
Audit Practising Registration  
Certificate No. 0763-2024-004-1



Tran Thi Thu Hien  
Auditor  
Audit Practising Registration  
Certificate No. 2487-2023-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

28 March 2025

50/CP  
C  
N  
V  
/



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B01-ETF

INCOME STATEMENT  
for the year ended 31 December 2024

No.	ITEMS	Notes	Current year VND	Previous year VND
<b>01</b>	<b>I. INCOME FROM INVESTMENT ACTIVITIES</b>		<b>68,911,577,055</b>	<b>26,704,200,666</b>
02	1.1 Dividend income	11	7,688,069,770	2,973,113,000
03	1.2 Interest income	11	2,587,435	3,434,566
04	1.3 Gain/(loss) from trading of securities	12	8,200,435,747	2,429,149,904
05	1.4 Unrealized gain/(loss) from revaluation of investment	5	53,020,484,103	21,298,503,196
<b>10</b>	<b>II. EXPENSES FROM INVESTMENT ACTIVITIES</b>		<b>52,773,246</b>	<b>90,121,409</b>
11	2.1 Transaction costs for securities trading	13	52,773,246	90,121,409
<b>20</b>	<b>III. OPERATING EXPENSES</b>		<b>3,149,625,146</b>	<b>2,226,290,662</b>
20.1	3.1 Fund management fee		1,906,238,865	1,090,910,659
20.2	3.2 Custody fees	14	285,076,030	282,275,920
20.3	3.3 Supervisory fee		70,064,442	66,205,553
20.4	3.4 Fund administration fee		198,000,000	198,000,000
20.5	3.5 Transfer agency service fee		66,000,000	65,999,992
20.6	3.6 Other service fees	15	344,163,589	263,222,657
20.8	3.7 Audit fee		140,400,000	140,318,519
20.11	3.8 Other operating expenses	16	139,682,220	119,357,362
<b>23</b>	<b>IV. NET INCOME FROM INVESTMENT ACTIVITIES</b>		<b>65,709,178,663</b>	<b>24,387,788,595</b>
<b>30</b>	<b>V. PROFIT BEFORE TAX</b>		<b>65,709,178,663</b>	<b>24,387,788,595</b>
31	5.1 Realized profit		12,688,694,560	3,089,285,399
32	5.2 Unrealized profit		53,020,484,103	21,298,503,196
<b>41</b>	<b>VI. PROFIT AFTER TAX</b>		<b>65,709,178,663</b>	<b>24,387,788,595</b>

Ho Chi Minh City, Vietnam  
28 March 2025

Preparer:

Ms. Vo Xuan Quy  
Accountant

Reviewer:

Ms. Vu Thi Lan Huong  
Person in charge  
of Accountant



Mr. Yun Hang Jin  
General Director

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B02-ETF

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION  
as at 31 December 2024

No.	ITEMS	Notes	31 December 2024 VND	31 December 2023 VND
<b>100</b>	<b>I. ASSETS</b>			
<b>110</b>	<b>1. Cash and cash equivalents</b>	<b>4</b>	<b>843,477,469</b>	<b>794,082,765</b>
111	1.1 Cash at bank for the Fund's operation of ETF		843,477,469	794,082,765
111.2	1.1.1 Cash at bank for Fund's operation		843,477,469	794,082,765
<b>120</b>	<b>2. Investments</b>		<b>318,435,461,200</b>	<b>294,717,613,350</b>
121	2.1 Investments in securities	5	318,435,461,200	294,717,613,350
<b>100</b>	<b>TOTAL ASSETS</b>		<b>319,278,938,669</b>	<b>295,511,696,115</b>
<b>300</b>	<b>II. LIABILITIES</b>			
314	1. Tax and payables to the State	6	1,500,000	1,500,000
316	2. Payables	7	161,400,000	153,900,000
319	3. ETF's service fees payables	8	379,137,678	429,846,850
<b>300</b>	<b>TOTAL LIABILITIES</b>		<b>542,037,678</b>	<b>585,246,850</b>
<b>400</b>	<b>III. NET ASSET VALUE DISTRIBUTABLE TO ETF FUND UNIT HOLDERS</b>		<b>318,736,900,991</b>	<b>294,926,449,265</b>
411	1. Contributed capital		245,000,000,000	280,000,000,000
412	1.1 Subscription capital	9	281,000,000,000	280,000,000,000
413	1.2 Redemption capital	9	(36,000,000,000)	-
414	2. Capital premium		(7,907,049,328)	(1,008,322,391)
420	3. Undistributed profit	10	81,643,950,319	15,934,771,656
<b>430</b>	<b>IV. NET ASSET VALUE PER FUND UNIT</b>	<b>9</b>	<b>13,009.67</b>	<b>10,533.08</b>



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B02-ETF

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued)  
as at 31 December 2024

OFF-STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEM

Code	ITEMS	Notes	31 December 2024 Fund unit	31 December 2023 Fund unit
004	1. Number of outstanding fund units	18	24,500,000	28,000,000

Ho Chi Minh City, Vietnam  
28 March 2025

Preparer:



Ms. Vo Xuan Quy  
Accountant

Reviewer:



Ms. Vu Thi Lan Huong  
Person in charge  
of Accountant

Approver:



Mr. Yun Heng Jin  
General Director

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B03-ETF

STATEMENT OF CHANGES IN NET ASSETS, TRADING OF ETF FUND UNITS  
for the year ended 31 December 2024

No.	ITEMS	Current year VND	Previous year VND
I	<b>Beginning balance of the Fund's Net Asset Value ("NAV")</b>	<b>294,926,449,265</b>	<b>64,871,254,679</b>
II	<b>Changes in NAV during the year</b>	<b>65,709,178,663</b>	<b>24,387,788,595</b>
II.1	- Changes in NAV due to market fluctuation and investment activities of ETF during the year	65,709,178,663	24,387,788,595
III	<b>Changes in NAV due to the redemption and subscription of fund units</b>	<b>(41,898,726,937)</b>	<b>205,667,405,991</b>
III.1	- Proceeds from additional subscription of ETF fund units	1,243,492,553	205,667,405,991
III.2	- Payment from the redemption of ETF fund units	(43,142,219,490)	-
IV	<b>Ending balance of the Fund's NAV</b>	<b>318,736,900,991</b>	<b>294,926,449,265</b>

Ho Chi Minh City, Vietnam  
28 March 2025

Preparer:



Ms. Vo Xuan Quy  
Accountant

Reviewer:



Ms. Vu Thi Lan Huong  
Person in charge  
of Accountant

Approver:



Mr. Yun Hang Jin  
General Director



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B04-ETF

STATEMENT OF INVESTMENT PORTFOLIO  
as at 31 December 2024

No.	ITEMS	Quantity	Market price as at 31 December 2024 VND	Total value VND	Percentage of the Fund's total assets as at 31 December 2024
<b>I</b>	<b>LISTED SHARES</b>			<b>318,413,351,200</b>	<b>99.73%</b>
1	ACB	1,287,634	25,800	33,220,957,200	10.40%
2	AGR	20,607	16,950	349,288,650	0.11%
3	BIC	6,100	33,850	206,485,000	0.07%
4	BID	87,908	37,550	3,300,945,400	1.03%
5	BMI	12,882	21,000	270,522,000	0.08%
6	BSI	9,308	48,600	452,368,800	0.14%
7	BVH	23,700	50,700	1,201,590,000	0.38%
8	CTG	258,368	37,800	9,766,310,400	3.06%
9	CTS	12,800	35,500	454,400,000	0.14%
10	EIB	508,001	19,300	9,804,419,300	3.07%
11	EVF	169,612	9,100	1,543,469,200	0.48%
12	FTS	53,890	42,200	2,274,158,000	0.71%
13	HCM	114,660	29,400	3,371,004,000	1.06%
14	HDB	837,654	25,500	21,360,177,000	6.69%
15	LPB	857,589	31,250	26,799,656,250	8.39%
16	MBB	931,275	25,100	23,375,002,500	7.32%
17	MIG	19,655	17,500	343,962,500	0.11%
18	MSB	745,556	11,650	8,685,727,400	2.72%
19	OCB	432,060	11,400	4,925,484,000	1.54%
20	ORS	98,232	14,050	1,380,159,600	0.43%
21	SHB	992,780	10,250	10,175,995,000	3.19%
22	SSB	588,774	16,750	9,861,964,500	3.09%
23	SSI	437,560	26,050	11,398,438,000	3.57%
24	STB	603,600	36,900	22,272,840,000	6.98%
25	TCB	1,463,700	24,650	36,080,205,000	11.30%
26	TPB	420,797	16,650	7,006,270,050	2.19%
27	TVS	29,010	19,700	571,497,000	0.18%
28	VCB	195,895	91,200	17,865,624,000	5.60%
29	VCI	129,200	33,200	4,289,440,000	1.34%
30	VDS	31,499	20,900	658,329,100	0.21%
31	VIB	474,247	19,700	9,342,665,900	2.93%
32	VIX	442,797	9,850	4,361,550,450	1.37%
33	VND	363,775	12,600	4,583,565,000	1.44%
34	VPB	1,398,900	19,200	26,858,880,000	8.41%
<b>II</b>	<b>RIGHT ISSUE</b>				
1	MIRMIG241	19,655	1,125	22,110,000	0.01%
<b>III</b>	<b>OTHER ASSETS</b>	-	-	-	<b>0.00%</b>

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B04-ETF

STATEMENT OF INVESTMENT PORTFOLIO (continued)  
as at 31 December 2024

No.	ITEMS	Quantity	Market price as at 31 December 2024 VND	Total value VND	Percentage of the Fund's total assets as at 31 December 2024 %
IV 1	<b>CASH</b> Cash at banks			<b>843,477,469</b> 843,477,469	<b>0.26%</b> 0.26%
	<b>TOTAL INVESTMENT PORTFOLIO</b>			<b>319,278,938,669</b>	<b>100.00%</b>

Ho Chi Minh City, Vietnam  
28 March 2025

Preparer:



Ms. Vo Xuan Quy  
Accountant

Reviewer:



Ms. Vu Thi Lan Huong  
Person in charge  
of Accountant

Approver:



Mr. Yun Hang Jin  
General Director



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B05-ETF

CASH FLOW STATEMENT  
for the year ended 31 December 2024

Code	ITEMS	Notes	Current year VND	Previous year VND
	<b>I. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>			
01	<b>1. Profit before corporate income tax</b>		<b>65,709,178,663</b>	<b>24,387,788,595</b>
01.1	Adjustments for loss from buying for FOL	12	(6,861,419,329)	(161,586,043)
02	<b>2. Adjustments from investing activities</b>		<b>(52,880,084,103)</b>	<b>(21,158,184,677)</b>
03	Unrealized gain from revaluation of investment	5	(53,020,484,103)	(21,298,503,196)
04	Accrued expenses		140,400,000	140,318,519
05	<b>3. Profit from investing activities before changes in working capital</b>		<b>5,967,675,231</b>	<b>3,068,017,875</b>
20	Increase in investments		(5,270,404,418)	(53,911,946,861)
07	Decrease in interest receivable from investments		-	21,700,000
13	Decrease in tax liabilities and statutory obligations		-	(150,000)
16	Decrease in other payables		(132,900,000)	(92,750,000)
17	(Decrease)/increase on fund management fee payable		(50,709,172)	292,289,769
19	<b>Net cash from/(used in) investing activities</b>		<b>513,661,641</b>	<b>(50,622,839,217)</b>
	<b>II. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>			
21	<b>1. Proceeds from subscription of fund units (*)</b>		<b>4,842,553</b>	<b>51,129,277,991</b>
22	<b>2. Proceeds from redemption of fund units</b>		<b>(469,109,490)</b>	<b>-</b>
30	<b>Net cash (used in)/from financing activities</b>		<b>(464,266,937)</b>	<b>51,129,277,991</b>
40	<b>III. Net increase in cash and cash equivalents during the year</b>		<b>49,394,704</b>	<b>506,438,774</b>
50	<b>IV. Cash and cash equivalents at the beginning of year</b>		<b>794,082,765</b>	<b>287,643,991</b>
51	Cash in bank at the beginning of year		794,082,765	287,643,991
52	- Cash at bank for the Fund's operations		794,082,765	287,643,991

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B05-ETF

CASH FLOW STATEMENT (continued)  
for the year ended 31 December 2024

Code	ITEMS	Notes	Current year VND	Previous year VND
55	<b>V. Cash and cash equivalents at the end of year</b>	4	<b>843,477,469</b>	<b>794,082,765</b>
56	Cash at bank at the end of year:		843,477,469	794,082,765
57	- Cash at bank for the Fund's operations		843,477,469	794,082,765
60	<b>VI. Change in cash and cash equivalents during the year</b>		<b>49,394,704</b>	<b>506,438,774</b>

(\*) Inclusion of cash flow in securities trading is limited to Fund Certificate swaps.

Ho Chi Minh City, Vietnam  
28 March 2025

Preparer:



Ms. Vo Xuan Quy  
Accountant

Reviewer:



Ms. Vu Thi Lan Huong  
Person in charge  
of Accountant

Approver:



Mr. Yun Hang Jin  
General Director



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**1. THE FUND'S OPERATIONAL CHARACTERISTICS**

**1.1 General information**

**Fund**

Exchange-traded Fund KIM Growth VNFINSELECT ETF ("the Fund", "KIM Growth VNFINSELECT ETF") was established in Vietnam pursuant to the Certificate of Public Fund establishment registration No. 50/GCN-UBCK was issued by the State Securities Commission on 22 September 2022. The Fund is not limited in term of operation.

The Fund's initial charter capital (capital mobilized during the initial public offering of fund units) as defined in the Establishment of the Public Fund Licence is VND63 billions. According to this licence, the Fund is authorized to issue 6,300,000 fund units to the public at a par value of VND 10,000 per unit during the initial public offering. During the operation of the Fund, the Fund is authorized to issue and exchange its fund units with a par value of VND10,000 per unit. The exchange price for a batch of fund units in the subsequent issuances is determined by the net asset value per batch of fund units calculated on the date prior to the transaction date, plus the issuance fee (if any). The re-exchange price of a fund unit is determined by the net asset value per fund unit calculated on the date prior to the transaction date minus the acquisition cost (if any). As at 31 December 2024, the Fund's contributed capital was VND245,000,000,000 at par value, equivalent to 24,500,000 fund units.

The Fund was established in Vietnam pursuant to the Certificate of Registration for Public Offering of Securities Investment Fund Certificates No. 172/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission ("the SSC") on 21 June 2022.

Fund units are listed at Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") according to Decision No. 798/QĐ-SGDHCM dated 26 October 2022 with the stock code FUEKIVFS and officially traded from 11 November 2022.

The Fund's Charter was issued on 15 August 2022.

The investment objective of the fund is to simulate the movement of the benchmark index after subtracting the Fund's costs. Benchmark index is VNFINSELECT developed and managed by HOSE.

Fund contact address: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd, Unit 6.02, 6F, The Mett Building 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Supervisory Bank**

The Supervisory Bank of the Fund is Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam.

The Supervisory Bank is appointed by the General Investors' Meeting, conducts securities depository, stores economic contracts and records the Fund's assets, and supervises the Fund's operations. Rights and obligations of the Supervisory Bank are specified in the Fund Charter.

**Fund Management Company**

KIM Growth VNFINSELECT ETF is managed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd ("Fund Management Company"). KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd was established in Vietnam under License No. 59/UBCK-GP by the by the SSC for the first time on 1 October 2020 (as amended and supplemented from time to time), and is an authorized representative of the Fund, on behalf of the Fund to exercise ownership rights to the Fund's assets honestly and prudently. The Fund Management Company complies with the law and the Fund Management Company's charter, manages the Fund's assets in accordance with the Fund Charter, complies with the rules of professional ethics, voluntarily, fairness, honesty, and in the best interests of the Fund.

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**1. THE FUND'S OPERATIONAL CHARACTERISTICS** (continued)

**1.2 General information of the Fund's operations**

**Capital**

The Fund's capital pursuant to the Certificate of Registration for Public Offering of Securities Investment Fund Certificates is VND63,000,000,000.

As at 31 December 2024, the contributed capital equal to par value of the investor to the Fund is VND245,000,000,000, equivalent to 24,500,000 fund certificates.

**Investment objectives**

The investment objective of the Fund is to simulate the volatility of the benchmark VNFINSELECT index after subtracting the Fund's costs. The benchmark index is the VN-Index developed and managed by the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE"). Objectives of the Fund are set in accordance with the Establishment Registration Certificate issued by the State Securities Commission, the Fund Charter and the Fund's prospectus.

**Net asset value valuation**

*Valuation date*

Valuation date is the date to determine the net asset value of the Fund. Net asset value is determined daily and at the end of each month. In case the valuation date falls on a dayoff or holiday, the valuation date is the next working day. For the monthly valuation period, the valuation date is the first day of the following month and remains unchanged even if the valuation date falls on a holiday or public holiday.

*Net asset value valuation*

The Net Asset Value per fund unit is equal to the Net Asset Value of the Fund divided by the total number of fund units in circulation at the last trading date preceding the valuation date.

Net Asset Value is the total market value of assets and investments held by the Fund less the Fund's liabilities as of the date preceding the valuation date.

The net asset value calculated for each Fund's trading day will be rounded down to two (02) decimal places.

**Frequency of fund unit trading**

Fund Units are traded on a daily basis if it is a business day ("Trading Day"). The Fund Management Company will inform the investors, the distribution agents and the relevant service providers about specific transaction schedule when the transaction date is not a business day on the website of the company and/or by email.

The Fund Management Company may change the trading date or frequency as necessary, provided that it is approved by the General Meeting of Investors in accordance with statutory requirements and Charter. The change of trading date will be announced in advance on the website of the Fund Management Company. The reduction of trading frequency will be agreed at the General Meeting of investors and must always be no less than two (02) times per one (01) month.



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**1. THE FUND'S OPERATIONAL CHARACTERISTICS (continued)**

**1.2 General information of the Fund operations (continued)**

**Investment restrictions**

The Fund's investment portfolio and investment restrictions must be consistent with the investment objectives and policies set out in the Fund Charter, Prospectus and Circular 98/2020/TT-BTC issued by the Ministry of Finance guiding the establishment and management for the exchange-traded fund ("Circular 98"), specifically as follows:

- ▶ The Fund is not allowed to invest in more than ten percent (10%) of the total securities in circulation of a single issuer, except for Government bond;
- ▶ The Fund is not allowed to invest in more than twenty percent (20%) of the Fund's total asset value in securities issued by a single issuer, except for Government bond;
- ▶ Do not invest more than thirty percent (30%) of the Fund's total asset value in the following assets: deposits at commercial banks as stipulated by banking laws; money market instruments, foreign currencies, valuable papers, negotiable instruments in accordance with banking laws; listed bonds, listed shares, and registered shares of issuers operating under Vietnamese law; shares, bonds to be listed or registered by the issuers operating under Vietnamese law; listed and registered derivatives at Stock Exchange as a hedge which are issued by the company or by a group of companies that have mutual ownership relations (except Government bonds); parent company-subsidaries; companies holding more than 35% of each other's shares/stakes; subsidiaries of the same parent company. The investment in derivative securities equals the value committed in the contract as defined in Fund Charter.
- ▶ The Fund shall not invest in its Fund Certificates;
- ▶ The Fund may invest in other public Fund Certificates and public securities investment companies managed by other fund management companies, but shall not:
  - Invest in more than 10% of total outstanding Fund Certificates of a public fund or total outstanding securities of a public securities investment company;
  - Invest more than 20% of total value of its assets in Fund Certificates of a public fund or outstanding shares of a public securities investment company;
  - Invest more than 30% of total value of its assets in public Fund Certificates or shares of public securities investment companies.
- ▶ The Fund is not allowed to invest in real estate, unlisted shares, unregistered shares of public companies, capital contributions in limited companies, private placement bonds; except in the case that the Fund assets benefit from the rights of the owner;
- ▶ The Fund is not allowed to invest in securities issued by a fund management company or an individual related to the Fund Management Company, the Fund's member except for underlying securities included in benchmark index portfolio;
- ▶ At all times, the total committed value of derivative securities transactions, outstanding loans and payables of the Fund must not exceed the net asset value of the Fund.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

## **2. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM**

### **2.1 Accounting standards and system**

These interim financial statements are prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Circular No. 181/2015/TT-BTC ("Circular 181") dated 13 November 2015 issued by the Ministry of Finance on the applicable accounting system for exchange-traded fund and statutory requirements relevant to the preparation and presentation of financial statements.

According to Circular 181, the Fund's financial statements include:

1. Income statement;
2. Statement of financial position;
3. Statement of changes in net asset value, subscriptions and redemptions of fund units;
4. Statement of investment portfolio;
5. Cash flow statement;
6. Notes to the financial statements;

Therefore, the accompanying income statements, statement of financial position, statement of changes in net asset value, trading of fund units, statement of investment portfolio, cash flow statement, notes to the financial statements and their utilization are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices, and furthermore are not intended to present the financial position, investment position and results of operation, changes in net assets and cash flows of the Fund in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

### **2.2 Applied accounting documentation system**

The applied accounting documentation system of the Fund is the General Journal system.

### **2.3 Fiscal year**

The Fund's subsequent accounting periods applicable to financial reporting starts on 1 January and ends on 31 December.

### **2.4 Applied currency in the accounting period**

The currency unit used in accounting and presentation of financial statements is the Vietnamese dong (VND).

### **2.5 Commitment to Compliance**

The Executive Board of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd confirmed that the accompanying financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting Regime applicable to exchange-traded fund and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of financial statements of the Fund.



NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

### 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The accounting policies adopted by the Company in preparation of the financial statements are consistent with those followed in the preparation of the Company's annual financial statements for the year ended 31 December 2023.

#### 3.1 Accounting estimates

The preparation of the financial statements requires the Executive Board of the Fund Management Company to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities, the disclosures of contingent assets and liabilities as at the date of the financial statements as well as the reported amount of revenues and expenses during the reporting period. Though these accounting estimates are based on the best knowledge of the Executive Board, the actual results may differ.

#### 3.2 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise of cash at banks for the Fund's operation, term deposits at banks and short-term investments with an original maturity of less than three (03) months that are highly liquid, readily convertible into known amounts of cash and are subject to an insignificant risk of change in value.

#### 3.3 Investments

##### *Initial recognition*

The Fund records its investments at the acquisition date.

Investments in securities are initially recognized at cost that includes only purchase price without any costs incurred to acquire the investments such as brokerage fees, transaction fees and bank charges. After initial recognition, investments in the Fund's portfolio are revalued following market value as at the statement of financial position date.

Bonus shares and stock dividends are recorded in investments at zero (0) and revalued at the real value of those securities at the date of financial statement.

##### *Subsequent recognition*

Investments in listed shares are recognized in the "Investments" item in the financial statement according to market value of the shares. For listed securities, market price is the closing price at the most recent transaction date preceding the valuation date. When there are no transactions in more than two (02) weeks till the date preceding the valuation date (including the cases of suspension of trading, cancellation of listing or cancellation of transaction registration), the value of investments at the reporting date are defined as either the purchase price or the book value of the shares.

The difference between the revaluation of investments at the time of revaluation and their carrying amount is reflected in the item "Revaluation difference of unrealized investments" in the income statement.

Cost of securities is calculated by the weighted average method at the end of the trading day.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

### 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

#### 3.3 *Investments (continued)*

*Call rights:* The value of call right is determined as the difference between market price of the shares as at the date of financial statements and the amount actually paid to be exercised on the date of notification to exercise the call right, multiplied by the percentage required to purchase a new share.

##### *Valuation Principles*

The Fund's investments are valued according to the principles and methods prescribed in Circular 98 as follows:

##### *Listed stocks on the Stock Exchange*

- The closing price or other names, depending on the internal regulations of the Stock Exchange on the most recent trading day before the valuation date;
- In cases where there have been no transactions for more than 15 days up to the valuation date, one of the following price levels is used:
  - ▶ Book value; or
  - ▶ Purchase price; or
  - ▶ The price determined by a method approved by the Fund's Board of Representatives.

##### *Derecognition*

Investments are de-recognized when the rights to receive cash flows from securities investments are terminated or the Fund has transferred most of the risks and benefits associated with ownership of securities.

##### *Gain/(loss) from revaluation of the investments*

Gain/(loss) from selling of the investments is the difference between selling price and cost of the investments determined on weighted average basis at the end of the transaction date.

#### 3.4 *Receivables*

Receivables include those arising from sales of investments, accrual of interest income from investments, bank deposit and other receivables. Receivables are recognized at cost, net of provision for bad debts.

Receivables are subject to review for impairment based on their overdue status or estimated loss arising from undue debts of corporate debtors who are going bankruptcy or are under liquidation; or of individual debtors who are missing, have fled, are prosecuted, detained or tried by law enforcement bodies, are serving sentences or have deceased.

The Fund has made provision for doubtful receivables in accordance with Circular No. 48/2019/TT-BTC dated 8 August 2019 that has modified by Circular No. 24/2022/TT-BTC dated 7 April 2022 issued by the Ministry of Finance. Accordingly, the provision rates for overdue receivables are as follows:

<i>Overdue time</i>	<i>Provision level</i>
From six (06) months to less than one (01) year	30%
From one (01) year to less than two (02) years	50%
From two (02) years to less than three (03) years	70%
More than three (03) years	100%



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**

**3.5 Payables**

Payables for investments and other payables are recognized at cost.

**3.6 Contributed capital**

Fund units with dividend rights are classified as contributed capital of the investors, including subscription capital and redemption capital. Each fund unit has a par value of VND10,000. One lot of fund unit has 100,000 units.

The minimum volume for one exchange transaction is one lot of fund units. The net asset value per lot of fund units is calculated by dividing the total net asset value of the Fund by the total number of fund unit lots and rounded down to the unit. The Net Asset Value per fund unit is calculated by dividing the total Net Asset Value of the Fund by the number of fund units in circulation and rounding down to two (2) decimal places.

*Subscription capital*

Issued capital reflects the source of capital from the exchange of fund unit lot for securities basket. The subscription capital is valued at the face value of the fund unit and is recognized on the next business day after the exchange transaction occurred - the date that transaction is completed and the ownership right of the fund unit is acknowledged.

*Redemption capital*

The redemption capital reflects the capital from the exchange of securities basket for the fund unit lot. Redemption capital is recognized at the face value of the fund unit and is recognized on the next business day after the exchange transaction occurred - the date that transaction is completed and the ownership right of the fund unit is acknowledged.

*Share premium of Investors*

Share premium represents the difference between the exchange/re-exchange price and the face value of the fund unit in exchange transactions.

The exchange price is the price that the investors have to pay to buy a lot of fund units. The exchange price is equal to the net asset value per lot of fund units at the end of the date prior to the transaction date plus the subscription fee (if any).

The re-exchange price is the price that the Fund must pay to the investor making an exchange order to redeem a fund unit lot for a securities basket. The re-exchange price is equal to the net asset value per lot of fund units calculated at the end of the date prior to the transaction date less the redemption fee (if any).

*Undistributed profit*

Undistributed profit/(loss) represents the accumulated undistributed profit/(loss) at the reporting date, including accumulated realized profit/(loss) and accumulated unrealized profit/(loss).

The realized profit/(loss) during the year is the difference between the total income, revenue after deducting the increase/(decrease) difference due to the revaluation of unrealized investments with total expenses of the Fund during the year.

Unrealized profit/(loss) for the year is the increase/(decrease) difference due to revaluation of investments in the portfolio of the Fund arising in the year.

At the end of financial year, the Fund determines the realized profit/(loss) and unrealized profit/(loss) for the year and records the amount in "Undistributed profit/(loss)".

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**

**3.6 Contributed capital (continued)**

*Profits/Assets distributed to Investors*

In order to minimize the costs incurred, the Fund will not distribute profits.

**3.7 Revenue**

Revenue is recognized to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Fund and the revenue can be reliably measured. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognized:

*Deposit interest*

Interest incomes from deposits and bonds are recognized to income statement based on accrual basis unless collectability is in doubt.

*Dividend*

Dividend income is recognized in the income statement when the Fund's right to receive dividend is established.

*Income from securities trading activities*

Income from securities trading is recognized to the income statement on the date of receiving the deal confirmation from Securities Companies and the Supervisory Bank.

**3.8 Expenses**

Expenses are accounted in the income statement when incurred, not on the basis of actual cash or cash equivalents payment.

*Fund management fee*

Fund management fees are paid to the Fund Management Company for providing fund management services to the Fund. The fund management fee is 0.6% \* NAV per year and is calculated (set aside) for the valuation periods conducted within the month.

The fund management fee for the valuation period = 'Percentage (%) of the fund management service fee calculated on an annual basis applicable during the fee calculation period' x 'NAV on the day before the Valuation Date' x 'actual number of days in the valuation period / actual number of days in the year (365 or 366)".

*Supervisory fee*

Supervisory fee is paid to the Supervisory Bank for the purpose of providing operation supervision service for Fund Management Company. Supervisory fee is calculated as 0.02% over NAV per annum, excluding value added tax. The minimum monthly supervisory fee is VND5,000,000 excluding value added tax. The monthly fee is the total amount charged at every periodical valuation performed during the month.



NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**

**3.8 Expenses (continued)**

*Custody fee*

Custody fee includes custody fee payable to the supervisory bank and custody fee payable to the Vietnam Securities Depository ("VSD"). The monthly payment amount is the total amount charged for the valuation periods performed in the month.

The custody fee payable to the Vietnam Securities Depository ("VSD") in accordance with the regulations of the Vietnam Securities Depository ("VSD") for each period.

The fee of this service is specified in the table below (excluding VAT):

Index	Minimum service fee per year (VND)	Basic service fee (% NAV/year)		
		Under 600 billion dong	From 600 to less than 1,000 billion dong	From 1,000 billion dong or above
VNFINSELECT	20,000,000	0.06	0.05	0.04

*Fund administration fee*

The fund administration service price is calculated and accrued daily and paid monthly to the Supervisory Bank.

The fee of this service is specified in the table below (excluding VAT):

Index	Minimum service fee per year (VND)	Basic service fee (% NAV/year)	
		Under 1,000 billion dong	From 1,000 billion dong or above
VNFINSELECT	15,000,000	0.03	0.02

*Transfer agency service fee*

The transfer agent service price is paid to the Securities Depository Center which is the transfer agent for the Fund. Transfer agent service price is VND5,000,000 per month, excluding value added tax. Transfer agent service price does not include the right exercise fee paid for each confirmation of the list of holders of listed fund certificates. The price for exercising the right to pay for each confirmation of the list of holders of this listed fund certificate is VND1,000,000/time when the total list of securities holders is less than 500 peoples, VND2,000,000/time when the list of securities holders is less than 500 peoples. The list of total securities owners with the number from 500 to less than 1,000 peoples, VND3,000,000/time when the list of total securities owners has the number from 1,000 to less than 5,000 peoples, VND 4,000,000/time when the list of total securities owners is over 5,000 peoples, this price does not include value added tax. Transfer agent service prices are calculated and accrued on a daily basis and are paid quarterly.

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

### 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

#### 3.8 Expenses (continued)

##### *Service fee for management and operation of benchmark index to HOSE*

The service price using the reference index is paid to the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") for the management and operation service of the benchmark index. Benchmark index operating and management service fee is calculated and accrued daily and paid every six months to the HOSE.

The fee of this service is specified in the table below (excluding VAT):

Index	Minimum service fee per year (VND)	Basic service fee (% NAV/year)			
		Under 500 billion dong	From 500 to less than 1,000 billion dong	From 1,000 to less than 2,000 billion dong	From 2,000 billion dong or above
VNFINSELECT	165,000,000	0.055	0.045	0.035	0.025

##### *The service fee for calculating the reference net asset value (iNAV)*

The service fee for calculating the reference net asset value is 0.05% per year on the net asset value of the Fund at the date prior to the valuation date with a minimum of VND50,000,000 per year. Reference net asset value calculation service fee is calculated and accrued daily and paid every six months to the HOSE.

##### *Remunerations for the Board of Representatives*

The Fund Representative Board's remunerations will be included in the Fund's expenses. Costs may also include liability insurance costs incurred by the Board of Representatives in connection with the exercise of rights and obligations of the Board of Representatives to the Fund. The remunerations of the members of the Board of Representatives will be within the annual operating budget of the Board of Representatives approved at the General Meeting of Investors.

##### *Stock transactions fee*

Stock transactions fee is 0.03% total transaction value and the minimum is VND100,000 per transaction day.



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**

**3.9 Taxes**

In accordance with prevailing tax regulations, the Fund is not subject to corporate income tax. However, the Fund Management Company is required to withhold income tax of individuals and institutional investors in the following transactions:

*a. Dividends payment to Investors*

When the Fund pays dividends to its fund unit holders, the Fund Management Company must comply with regulations on tax deduction and tax payment in accordance with Circular No. 78/2014/TT-BTC dated 18 June 2014, Circular No. 111/2013/TT-BTC dated 15 August 2013, Circular No. 92/2015/TT-BTC dated 15 June 2015 guiding the implementation of value added tax and personal income tax applicable to resident individuals conducting business activities; guiding the implementation of a number of amendments and supplements to personal income tax as provided in the Law amending and supplementing a number of articles of Tax Laws No. 71/2014/QH13 and Decree No. 12/2015/ND-CP dated 12 February 2015 of the Government detailing the implementation of the Law amending and supplementing some articles of the Tax Law and amending and supplementing some articles of the tax decrees, Circular No. 96/2015/TT-BTC dated 22 June 2015 guiding corporate income tax in the Decree No. 12/2015/ND-CP dated 12 February 2015 issued by the Government detailing the implementation of the law amending and supplementing a number of articles of the tax laws and amending and supplementing a number of articles of the tax decrees and amending and supplementing a number of articles of Circular No. 78/2014/TT-BTC dated 18 June 2014, Circular No. 119/2014/TT-BTC dated 25 August 2014, Circular No. 151/2014/TT-BTC dated 10 October 2014 issued by the Ministry of Finance, Official Letter No. 10945/BTC-TCT dated 19 August 2010 on tax policy for dividends to institutional investors.

When the Fund pay dividends to its institutional unit holders, regardless of domestic or foreign, Fund Management Company is required to withhold an amount of corporate income tax equal to 20% of distributed profit (except for distributed profit portions already imposed to corporate income tax in the previous stages and interest income collected from tax-free bonds in accordance with the current regulations). When the Fund pays dividends to its individual unit holders; it is required to withhold an amount of the personal income tax equal to 5% of distributed profit.

*b. Fund unit redemption*

The Fund Management Company is required to withhold, declare and pay income tax for repurchase from individuals (domestic or foreign) and from institutions classified as foreign in accordance with regulations on foreign exchange control. The applied tax rate for securities transfer transactions is 0.1% of transfer value in accordance with Circular No. 111/2013/TT-BTC dated 15 August 2013, Circular No. 78/2014/TT-BTC dated 18 June 2014, Circular No. 103/2014/TT-BTC dated 6 August 2014 issued by the Ministry of Finance, Circular No. 92/2015/TT-BTC dated 15 June 2015, Circular 25/2018/TT-BTC dated 16 March 2018 and supplementing, amending Circulars issued by Ministry of Finance.

The Fund Management Company does not withhold income tax of domestic institutional investors since these domestic organizations shall be responsible for their income tax declaration and payment.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**

**3.10 Related parties**

Parties/persons are considered to be related if one party/person has the ability, directly or indirectly, to control or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. Parties are also considered to be related if they are subject to common control or common significant influence. Other investment funds under the management of the Fund Management Company, the Fund Management Company, the shareholders of the Fund Management Company, and key management positions such as General Director of the Fund Management Company, Members of the Board of Representatives, close family members of these individuals or affiliates or affiliated companies with these individuals are also considered parties to the Fund. In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship, not merely the legal form.

**3.11 Nil balance**

Items or balances stipulated in Circular 181 on the accounting regime applicable to exchange-traded funds which are not presented in these financial statements, are nil.

**4. CASH AND CASH EQUIVALENTS**

	31 December 2024 VND	31 December 2023 VND
Cash at bank for the Fund's operations	<u>843,477,469</u>	<u>794,082,765</u>



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

5. INVESTMENT IN SECURITIES

	Cost VND	Market value or Fair value VND	Revaluation difference			Revaluation value VND
			Increase VND	Decrease VND	Net difference VND	
<b>31 December 2024</b>						
Listed shares	248,445,983,026	318,413,351,200	76,203,634,213	(6,236,266,039)	69,967,368,174	318,413,351,200
Right issue	-	22,110,000	22,110,000	-	22,110,000	22,110,000
	<b>248,445,983,026</b>	<b>318,435,461,200</b>	<b>76,225,744,213</b>	<b>(6,236,266,039)</b>	<b>69,989,478,174</b>	<b>318,435,461,200</b>
<b>31 December 2023</b>						
Listed shares	277,748,619,279	294,717,613,350	20,431,794,887	(3,462,800,816)	16,968,994,071	294,717,613,350
	<b>277,748,619,279</b>	<b>294,717,613,350</b>	<b>20,431,794,887</b>	<b>(3,462,800,816)</b>	<b>16,968,994,071</b>	<b>294,717,613,350</b>
Effect from revaluation difference of investments in income statement					<b>53,020,484,103</b>	

**KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD**  
**KIM Growth VNFINSELECT ETF**

B06-ETF

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**6. TAXES PAYABLES AND OBLIGATIONS TO THE STATE BUDGET**

	<i>31 December 2024</i> VND	<i>31 December 2023</i> VND
Personal income taxes – Remuneration of Fund's Board Representatives	<u>1,500,000</u>	<u>1,500,000</u>

**7. ACCRUED EXPENSES**

	<i>31 December 2024</i> VND	<i>31 December 2023</i> VND
Accrual - Audit fee	140,400,000	140,400,000
Accrual - Remuneration of Fund's Board Representatives	13,500,000	13,500,000
Accrual - Accrued fee payable to SSC	7,500,000	-
	<u>161,400,000</u>	<u>153,900,000</u>

**8. SERVICE FEES PAYABLES**

	<i>31 December 2024</i> VND	<i>31 December 2023</i> VND
Accrual - Fund management fee	158,543,982	147,469,506
Accrual - Expenses payable to HOSE for management and operation of benchmark index	84,916,741	144,917,839
Accrual - Expenses payable to HOSE for calculating the reference net asset value (iNAV)	76,863,674	78,958,439
Accrual - Custody fee	20,000,000	20,000,000
Accrual - Fund administration fee	16,500,000	16,500,000
Accrual - Transfer agency service fee	16,500,000	16,500,000
Accrual - Supervisory fee	5,813,281	5,501,066
	<u>379,137,678</u>	<u>429,846,850</u>



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

9. CONTRIBUTED CAPITAL

	<i>As at 31 December 2023 VND</i>	<i>Movement during the year VND</i>	<i>As at 31 December 2024 VND</i>
<b>Subscription capital</b>			
Number of fund units	28,000,000	100,000	28,100,000
Par value	280,000,000,000	1,000,000,000	281,000,000,000
Subscription capital premium	(1,008,322,391)	243,492,553	(764,829,838)
Total value of issued ETF fund units	278,991,677,609	1,243,492,553	280,235,170,162
<b>Redemption capital</b>			
Number of fund units	-	(3,600,000)	(3,600,000)
Par value	-	(36,000,000,000)	(36,000,000,000)
Redemption capital premium	-	(7,142,219,490)	(7,142,219,490)
Total value of redemption ETF fund units	-	(43,142,219,490)	(43,142,219,490)
<b>Number of fund units in circulation</b>	<b>28,000,000</b>	<b>(3,500,000)</b>	<b>24,500,000</b>
<b>Current contributed capital</b>	<b>278,991,677,609</b>	<b>(41,898,726,937)</b>	<b>237,092,950,672</b>
<b>Accumulated gain</b>	<b>15,934,771,656</b>	<b>65,709,178,663</b>	<b>81,643,950,319</b>
<b>NAV</b>	<b>294,926,449,265</b>		<b>318,736,900,991</b>
<b>NAV per fund unit</b>	<b>10,533.08</b>		<b>13,009.67</b>

10. UNDISTRIBUTED EARNINGS

	<i>As at 31 December 2023 VND</i>	<i>Movement in the year VND</i>	<i>As at 31 December 2024 VND</i>
Realized (loss)/profit	(1,034,222,415)	12,688,694,560	11,654,472,145
Unrealized profit	16,968,994,071	53,020,484,103	69,989,478,174
	<b>15,934,771,656</b>	<b>65,709,178,663</b>	<b>81,643,950,319</b>

11. DIVIDEND RECEIVABLES AND INTEREST RECEIVABLES FROM BANK DEPOSIT

	<i>Current year VND</i>	<i>Previous year VND</i>
Dividend received	7,688,069,770	2,973,113,000
Dividend received	7,688,069,770	2,973,113,000
Interest received	2,587,435	3,434,566
	<b>7,690,657,205</b>	<b>2,976,547,566</b>

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

12. PROFIT FROM TRADING OF SECURITIES

	<i>Current year VND</i>	<i>Previous year VND</i>
Profit from securities trading	1,339,016,418	2,267,563,861
Profit from restricted securities transaction	6,861,419,329	161,586,043
	<b>8,200,435,747</b>	<b>2,429,149,904</b>

Details of the Fund's securities investments in the year ended 31 December 2024 as follow:

	<i>Total value of securities purchased/sold in the fund unit exchange transactions VND</i>	<i>Weighted average cost at the end of transaction date VND</i>	<i>Gain from selling securities the year ended 31 December 2024 VND</i>
<b>Listed shares</b>			
Gain from securities trading	17,545,140,000	16,206,123,582	1,339,016,418
Gain from restricted securities transaction	42,673,110,000	35,811,690,671	6,861,419,329
	<b>60,218,250,000</b>	<b>52,017,814,253</b>	<b>8,200,435,747</b>

13. TRANSACTION COSTS FOR SECURITIES TRADING

	<i>Current year VND</i>	<i>Previous year VND</i>
Brokerage free for purchasing investments	26,455,532	44,048,568
Brokerage free for selling investments	26,317,714	46,072,841
	<b>52,773,246</b>	<b>90,121,409</b>

14. CUSTODY FEES

	<i>Current year VND</i>	<i>Previous year VND</i>
Safe custody fee	240,000,000	240,000,000
Depository fee paid to VSD	44,344,573	23,837,037
Transaction fee	731,457	18,438,883
	<b>285,076,030</b>	<b>282,275,920</b>



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**15. OTHER SERVICE FEES**

	<i>Current year VND</i>	<i>Previous year VND</i>
Accrual expenses payable to HOSE for calculating the reference net asset value (INAV)	152,067,652	97,694,809
Accrual expenses payable to HOSE for management and operation of benchmark index	192,095,937	165,527,848
	<b>344,163,589</b>	<b>263,222,657</b>

**16. OTHER OPERATING EXPENSES**

	<i>Current year VND</i>	<i>Previous year VND</i>
Remunerations for the Board of Representatives	60,000,000	60,000,000
Expense for listed management at HOSE	30,000,000	30,000,000
Fee paid to VSD for getting the list of investors	20,200,000	18,000,000
Printing expenses, postage	17,422,418	1,009,360
Accrued fee payable to SSC	7,500,000	2,500,000
Additional registration fee paid for VSD	2,500,000	6,000,000
Bank charges	2,059,802	1,848,002
	<b>139,682,220</b>	<b>119,357,362</b>

**KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD**  
**KIM Growth VNFINSELECT ETF**

B06-ETF

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**17. NET ASSET VALUE**

Net asset value for the year ended 31 December 2024 are as follows:

No	Valuation date	NAV VND	Quantity of fund units Fund unit	NAV/ fund unit VND	Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND
1	1/1/2024	294,918,574,253	28,000,000	10,532.80	
2	2/1/2024	295,938,635,703	28,000,000	10,569.23	36.43
3	3/1/2024	300,096,278,610	28,000,000	10,717.72	148.49
4	4/1/2024	304,878,643,471	28,000,000	10,888.52	170.80
5	7/1/2024	306,798,552,469	28,000,000	10,957.09	68.57
6	8/1/2024	308,661,444,040	28,000,000	11,023.62	66.53
7	9/1/2024	308,622,087,792	28,000,000	11,022.21	(1.41)
8	10/1/2024	311,214,643,796	28,000,000	11,114.80	92.59
9	11/1/2024	312,090,280,081	28,000,000	11,146.08	31.28
10	14/1/2024	314,042,730,820	28,000,000	11,215.81	69.73
11	15/1/2024	311,601,920,981	28,000,000	11,128.64	(87.17)
12	16/1/2024	313,072,480,581	28,000,000	11,181.16	52.52
13	17/1/2024	312,456,756,061	28,000,000	11,159.16	(22.00)
14	18/1/2024	314,446,600,266	28,000,000	11,230.23	71.07
15	21/1/2024	316,872,337,894	27,900,000	11,357.43	127.20
16	22/1/2024	317,854,402,297	27,900,000	11,392.63	35.20
17	23/1/2024	316,752,590,846	27,900,000	11,353.13	(39.50)
18	24/1/2024	316,094,460,918	27,900,000	11,329.55	(23.58)
19	25/1/2024	315,499,303,912	27,900,000	11,308.21	(21.34)
20	28/1/2024	317,517,543,427	27,900,000	11,380.55	72.34
21	29/1/2024	316,711,239,798	27,900,000	11,351.65	(28.90)
22	30/1/2024	317,689,095,544	27,900,000	11,386.70	35.05
23	31/1/2024	312,954,058,176	27,900,000	11,216.99	(169.71)
24	1/2/2024	313,068,007,835	27,900,000	11,221.07	4.08
25	4/2/2024	312,370,948,842	27,900,000	11,196.09	(24.98)
26	5/2/2024	320,993,207,595	27,900,000	11,505.13	309.04
27	6/2/2024	322,034,502,859	27,900,000	11,542.45	37.32
28	8/2/2024	326,852,320,592	27,900,000	11,715.13	172.68
29	14/2/2024	326,800,685,323	27,900,000	11,713.28	(1.85)
30	15/2/2024	329,385,024,033	27,900,000	11,805.91	92.63
31	18/2/2024	329,031,175,111	27,900,000	11,793.23	(12.68)
32	19/2/2024	329,717,366,168	27,900,000	11,817.82	24.59
33	20/2/2024	329,583,467,536	27,900,000	11,813.02	(4.80)
34	21/2/2024	331,241,609,091	27,900,000	11,872.45	59.43
35	22/2/2024	330,781,124,069	27,900,000	11,855.95	(16.50)
36	25/2/2024	326,744,728,655	27,900,000	11,711.28	(144.67)
37	26/2/2024	329,482,291,648	27,900,000	11,809.40	98.12
38	27/2/2024	331,983,755,538	27,900,000	11,899.05	89.65
39	28/2/2024	336,974,866,934	27,900,000	12,077.95	178.90
40	29/2/2024	336,671,845,025	27,900,000	12,067.09	(10.86)
41	3/3/2024	336,724,318,558	27,900,000	12,068.97	1.88
42	4/3/2024	336,354,376,392	27,900,000	12,055.71	(13.26)
43	5/3/2024	338,858,291,638	27,900,000	12,145.45	89.74
44	6/3/2024	336,868,039,718	27,900,000	12,074.12	(71.33)
45	7/3/2024	337,002,404,128	27,900,000	12,078.93	4.81
46	10/3/2024	329,300,464,349	27,900,000	11,802.88	(276.05)
47	11/3/2024	324,827,859,892	27,900,000	11,642.57	(160.31)



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

No	Valuation date	NAV VND	Quantity of fund units Fund unit	NAV/ fund unit VND	Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND
48	12/3/2024	325,986,816,664	27,900,000	11,684.11	41.54
49	13/3/2024	333,949,010,877	27,900,000	11,969.49	285.38
50	14/3/2024	330,175,396,198	27,900,000	11,834.24	(135.25)
51	17/3/2024	330,813,493,357	27,900,000	11,857.11	22.87
52	18/3/2024	323,485,015,124	27,900,000	11,594.44	(262.67)
53	19/3/2024	323,053,268,292	27,900,000	11,578.97	(15.47)
54	20/3/2024	331,979,350,130	27,900,000	11,898.90	319.93
55	21/3/2024	338,677,871,461	27,900,000	12,138.99	240.09
56	24/3/2024	339,908,306,425	27,900,000	12,183.09	44.10
57	25/3/2024	336,281,604,904	27,900,000	12,053.10	(129.99)
58	26/3/2024	341,950,211,765	27,900,000	12,256.27	203.17
59	27/3/2024	341,559,157,611	27,900,000	12,242.26	(14.01)
60	28/3/2024	346,079,586,215	27,900,000	12,404.28	162.02
61	31/3/2024	344,774,680,372	27,900,000	12,357.51	(46.77)
62	1/4/2024	342,961,480,722	27,900,000	12,292.52	(64.99)
63	2/4/2024	342,047,298,031	27,900,000	12,259.75	(32.77)
64	3/4/2024	337,118,594,044	27,900,000	12,083.10	(176.65)
65	4/4/2024	334,240,839,669	27,900,000	11,979.95	(103.15)
66	7/4/2024	330,331,119,654	27,900,000	11,839.82	(140.13)
67	8/4/2024	330,323,336,346	27,900,000	11,839.54	(0.28)
68	9/4/2024	334,674,316,911	27,900,000	11,995.49	155.95
69	10/4/2024	333,229,639,607	27,900,000	11,943.71	(51.78)
70	11/4/2024	332,378,775,420	27,900,000	11,913.21	(30.50)
71	14/4/2024	341,044,721,841	27,900,000	12,223.82	310.61
72	15/4/2024	323,991,221,812	27,900,000	11,612.58	(611.24)
73	16/4/2024	325,989,553,239	27,900,000	11,684.21	71.63
74	18/4/2024	319,519,340,990	27,900,000	11,452.30	(231.91)
75	21/4/2024	315,732,374,118	27,900,000	11,316.57	(135.73)
76	22/4/2024	321,536,958,291	27,900,000	11,524.62	208.05
77	23/4/2024	319,816,237,443	27,900,000	11,462.94	(61.68)
78	24/4/2024	326,704,933,710	27,900,000	11,709.85	246.91
79	25/4/2024	324,497,284,979	27,900,000	11,630.72	(79.13)
80	30/4/2024	325,525,374,405	27,900,000	11,667.57	36.85
81	1/5/2024	325,516,899,362	27,900,000	11,667.27	(0.30)
82	2/5/2024	324,628,469,616	27,900,000	11,635.42	(31.85)
83	3/5/2024	326,697,664,967	27,900,000	11,709.59	74.17
84	5/5/2024	326,680,668,337	27,900,000	11,708.98	(0.61)
85	6/5/2024	331,697,094,140	27,900,000	11,888.78	179.80
86	7/5/2024	331,225,010,628	27,900,000	11,871.86	(16.92)
87	8/5/2024	330,575,908,410	27,900,000	11,848.59	(23.27)
88	9/5/2024	329,997,945,357	27,900,000	11,827.88	(20.71)
89	12/5/2024	329,275,161,439	27,900,000	11,801.97	(25.91)
90	13/5/2024	328,393,260,411	27,900,000	11,770.36	(31.61)
91	14/5/2024	328,780,550,239	27,900,000	11,784.24	13.88
92	15/5/2024	330,938,614,549	27,900,000	11,861.59	77.35
93	16/5/2024	338,674,289,250	27,900,000	12,138.86	277.27
94	19/5/2024	340,074,702,248	27,900,000	12,189.05	50.19
95	20/5/2024	342,004,916,990	27,900,000	12,258.24	69.19
96	21/5/2024	340,951,877,050	27,900,000	12,220.49	(37.75)
97	22/5/2024	337,484,673,582	27,900,000	12,096.22	(124.27)
98	23/5/2024	340,064,616,816	27,900,000	12,188.69	92.47



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

No	Valuation date	NAV VND	Quantity of fund units Fund unit	NAV/ fund unit VND	Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND
99	26/5/2024	336,451,601,078	27,900,000	12,059.19	(129.50)
100	27/5/2024	337,135,527,947	27,900,000	12,083.71	24.52
101	28/5/2024	340,904,012,357	27,900,000	12,218.78	135.07
102	29/5/2024	338,880,329,666	27,900,000	12,146.24	(72.54)
103	30/5/2024	337,270,514,751	27,900,000	12,088.54	(57.70)
104	31/5/2024	336,860,918,402	27,900,000	12,073.86	(14.68)
105	2/6/2024	336,843,416,947	27,900,000	12,073.24	(0.62)
106	3/6/2024	342,858,376,627	27,900,000	12,288.83	215.59
107	4/6/2024	342,566,247,078	27,900,000	12,278.36	(10.47)
108	5/6/2024	341,392,990,434	27,900,000	12,236.30	(42.06)
109	6/6/2024	343,403,900,906	27,900,000	12,308.38	72.08
110	9/6/2024	344,697,632,505	27,900,000	12,354.75	46.37
111	10/6/2024	345,164,664,113	27,900,000	12,371.49	16.74
112	11/6/2024	344,478,009,990	27,900,000	12,346.88	(24.61)
113	12/6/2024	350,258,130,152	27,900,000	12,554.05	207.17
114	13/6/2024	352,476,830,151	27,900,000	12,633.57	79.52
115	16/6/2024	346,880,207,788	27,900,000	12,432.98	(200.59)
116	17/6/2024	345,606,075,507	27,900,000	12,387.31	(45.67)
117	18/6/2024	345,277,118,961	27,900,000	12,375.52	(11.79)
118	19/6/2024	345,936,317,919	27,900,000	12,399.15	23.63
119	20/6/2024	347,448,046,498	27,900,000	12,453.33	54.18
120	23/6/2024	346,766,470,339	27,900,000	12,428.90	(24.43)
121	24/6/2024	337,591,574,806	27,900,000	12,100.05	(328.85)
122	25/6/2024	337,999,794,265	27,900,000	12,114.68	14.63
123	26/6/2024	337,922,230,227	27,900,000	12,111.90	(2.78)
124	27/6/2024	336,417,125,373	27,900,000	12,057.96	(53.94)
125	30/6/2024	333,749,351,022	27,900,000	11,962.34	(95.62)
126	1/7/2024	322,907,576,630	26,900,000	12,003.99	41.65
127	2/7/2024	315,876,259,767	25,900,000	12,195.99	192.00
128	3/7/2024	300,341,152,925	24,400,000	12,309.06	113.07
129	4/7/2024	300,991,165,346	24,400,000	12,335.70	26.64
130	7/7/2024	302,053,174,023	24,400,000	12,379.22	43.52
131	8/7/2024	301,335,806,018	24,400,000	12,349.82	(29.40)
132	9/7/2024	303,852,252,978	24,400,000	12,452.96	103.14
133	10/7/2024	301,764,758,742	24,400,000	12,367.40	(85.56)
134	11/7/2024	301,234,804,994	24,400,000	12,345.68	(21.72)
135	14/7/2024	299,997,004,956	24,400,000	12,294.95	(50.73)
136	15/7/2024	299,658,901,989	24,400,000	12,281.10	(13.85)
137	16/7/2024	301,271,169,219	24,400,000	12,347.17	66.07
138	17/7/2024	304,493,827,034	24,400,000	12,479.25	132.08
139	18/7/2024	306,181,530,025	24,400,000	12,548.42	69.17
140	21/7/2024	305,933,648,848	24,400,000	12,538.26	(10.16)
141	22/7/2024	304,843,962,808	24,400,000	12,493.60	(44.66)
142	23/7/2024	297,598,418,943	24,400,000	12,196.65	(296.95)
143	24/7/2024	298,238,725,421	24,400,000	12,222.89	26.24
144	25/7/2024	295,571,328,976	24,400,000	12,113.57	(109.32)
145	28/7/2024	296,154,631,201	24,400,000	12,137.48	23.91
146	29/7/2024	296,579,098,243	24,400,000	12,154.88	17.40
147	30/7/2024	296,414,562,415	24,400,000	12,148.13	(6.75)
148	31/7/2024	299,286,869,378	24,400,000	12,265.85	117.72
149	1/8/2024	293,183,761,287	24,400,000	12,015.72	(250.13)



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17 NET ASSET VALUE (continued)

No	Valuation date	NAV VND	Quantity of fund units Fund unit	NAV/ fund unit VND	Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND
150	4/8/2024	295,893,725,547	24,400,000	12,126.79	111.07
151	5/8/2024	283,501,343,865	24,400,000	11,618.90	(507.89)
152	6/8/2024	288,845,844,229	24,400,000	11,837.94	219.04
153	7/8/2024	287,318,343,007	24,400,000	11,775.34	(62.60)
154	8/8/2024	284,636,984,612	24,400,000	11,665.45	(109.89)
155	11/8/2024	289,081,010,246	24,400,000	11,847.58	182.13
156	12/8/2024	291,492,085,099	24,400,000	11,946.39	98.81
157	13/8/2024	290,641,923,318	24,400,000	11,911.55	(34.84)
158	14/8/2024	289,663,637,994	24,400,000	11,871.46	(40.09)
159	15/8/2024	289,235,333,726	24,400,000	11,853.90	(17.56)
160	18/8/2024	296,813,473,885	24,400,000	12,164.48	310.58
161	19/8/2024	298,820,154,888	24,400,000	12,246.72	82.24
162	20/8/2024	299,981,097,975	24,400,000	12,294.30	47.58
163	21/8/2024	303,284,621,461	24,400,000	12,429.69	135.39
164	22/8/2024	304,082,290,851	24,400,000	12,462.38	32.69
165	25/8/2024	304,617,291,922	24,400,000	12,484.31	21.93
166	26/8/2024	304,789,794,282	24,400,000	12,491.38	7.07
167	27/8/2024	303,716,474,939	24,400,000	12,447.39	(43.99)
168	28/8/2024	304,755,398,408	24,400,000	12,489.97	42.58
169	29/8/2024	305,474,855,487	24,400,000	12,519.46	29.49
170	31/8/2024	306,583,158,852	24,400,000	12,564.88	45.42
171	3/9/2024	306,558,751,954	24,400,000	12,563.88	(1.00)
172	4/9/2024	302,203,278,901	24,400,000	12,385.38	(178.50)
173	5/9/2024	300,025,118,755	24,400,000	12,296.11	(89.27)
174	8/9/2024	300,529,351,597	24,400,000	12,316.77	20.66
175	9/9/2024	298,708,902,824	24,400,000	12,242.16	(74.61)
176	10/9/2024	295,440,816,098	24,400,000	12,108.23	(133.93)
177	11/9/2024	294,728,543,566	24,400,000	12,079.03	(29.20)
178	12/9/2024	295,651,933,335	24,400,000	12,116.88	37.85
179	15/9/2024	295,516,768,489	24,400,000	12,111.34	(5.54)
180	16/9/2024	293,535,488,146	24,400,000	12,030.14	(81.20)
181	17/9/2024	298,428,282,457	24,400,000	12,230.66	200.52
182	18/9/2024	300,293,414,642	24,400,000	12,307.10	76.44
183	19/9/2024	302,246,677,602	24,400,000	12,387.15	80.05
184	22/9/2024	305,183,714,597	24,400,000	12,507.52	120.37
185	23/9/2024	304,717,310,567	24,400,000	12,488.41	(19.11)
186	24/9/2024	307,942,665,334	24,400,000	12,620.60	132.19
187	25/9/2024	312,629,835,047	24,400,000	12,812.69	192.09
188	26/9/2024	315,726,026,063	24,400,000	12,939.59	126.90
189	29/9/2024	317,408,569,984	24,400,000	13,008.54	68.95
190	30/9/2024	318,190,839,304	24,400,000	13,040.60	32.06
191	1/10/2024	318,904,155,325	24,400,000	13,069.84	29.24
192	2/10/2024	318,346,156,082	24,400,000	13,046.97	(22.87)
193	3/10/2024	317,644,981,015	24,400,000	13,018.23	(28.74)
194	6/10/2024	314,604,845,441	24,400,000	12,893.64	(124.59)
195	7/10/2024	315,946,124,470	24,400,000	12,948.61	54.97
196	8/10/2024	317,181,685,257	24,400,000	12,999.24	50.63
197	9/10/2024	320,192,082,747	24,400,000	13,122.62	123.38
198	10/10/2024	319,557,747,838	24,400,000	13,096.62	(26.00)
199	13/10/2024	319,600,802,385	24,400,000	13,098.39	1.77
200	14/10/2024	318,061,811,839	24,400,000	13,035.32	(63.07)



**KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD**  
**KIM Growth VNFINSELECT ETF**

B06-ETF

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**17. NET ASSET VALUE (continued)**

No	Valuation date	NAV VND	Quantity of fund units Fund unit	NAV/ fund unit VND	Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND
201	15/10/2024	317,211,090,792	24,400,000	13,000.45	(34.87)
202	16/10/2024	315,914,757,644	24,400,000	12,947.32	(53.13)
203	17/10/2024	319,314,163,021	24,400,000	13,086.64	139.32
204	20/10/2024	319,733,686,299	24,400,000	13,103.83	17.19
205	21/10/2024	317,929,211,067	24,400,000	13,029.88	(73.95)
206	22/10/2024	315,905,083,661	24,400,000	12,946.92	(82.96)
207	23/10/2024	316,476,275,510	24,400,000	12,970.33	23.41
208	24/10/2024	310,781,609,976	24,400,000	12,736.95	(233.38)
209	27/10/2024	309,917,856,416	24,400,000	12,701.55	(35.40)
210	28/10/2024	310,676,296,917	24,400,000	12,732.63	31.08
211	29/10/2024	312,440,199,237	24,400,000	12,804.92	72.29
212	30/10/2024	312,740,257,097	24,400,000	12,817.22	12.30
213	31/10/2024	314,662,299,608	24,400,000	12,895.99	78.77
214	3/11/2024	311,312,903,871	24,400,000	12,758.72	(137.27)
215	4/11/2024	307,854,230,046	24,400,000	12,616.97	(141.75)
216	5/11/2024	307,881,498,459	24,400,000	12,618.09	1.12
217	6/11/2024	312,028,546,466	24,400,000	12,788.05	169.96
218	7/11/2024	311,001,566,872	24,400,000	12,745.96	(42.09)
219	10/11/2024	308,638,973,306	24,400,000	12,649.13	(96.83)
220	11/11/2024	304,275,821,130	24,400,000	12,470.32	(178.81)
221	12/11/2024	303,412,183,040	24,400,000	12,434.92	(35.40)
222	13/11/2024	303,584,151,210	24,400,000	12,441.97	7.05
223	14/11/2024	299,900,504,268	24,500,000	12,240.83	(201.14)
224	17/11/2024	296,189,589,234	24,500,000	12,089.37	(151.46)
225	18/11/2024	297,143,600,361	24,500,000	12,128.31	38.94
226	19/11/2024	294,514,857,774	24,500,000	12,021.01	(107.30)
227	20/11/2024	297,730,214,133	24,500,000	12,152.25	131.24
228	21/11/2024	301,537,141,991	24,500,000	12,307.63	155.38
229	24/11/2024	301,092,017,368	24,500,000	12,289.47	(18.16)
230	25/11/2024	301,900,474,568	24,500,000	12,322.46	32.99
231	26/11/2024	303,649,926,812	24,500,000	12,393.87	71.41
232	27/11/2024	303,791,958,106	24,500,000	12,399.67	5.80
233	28/11/2024	304,113,622,004	24,500,000	12,412.80	13.13
234	30/11/2024	305,384,524,650	24,500,000	12,464.67	51.87
235	1/12/2024	305,376,463,333	24,500,000	12,464.34	(0.33)
236	2/12/2024	306,145,694,085	24,500,000	12,495.74	31.40
237	3/12/2024	305,844,609,580	24,500,000	12,483.45	(12.29)
238	4/12/2024	303,446,213,765	24,500,000	12,385.55	(97.90)
239	5/12/2024	312,497,075,385	24,500,000	12,754.98	369.43
240	8/12/2024	312,223,674,163	24,500,000	12,743.82	(11.16)
241	9/12/2024	313,035,602,057	24,500,000	12,776.96	33.14
242	10/12/2024	312,478,993,877	24,500,000	12,754.24	(22.72)
243	11/12/2024	312,565,319,812	24,500,000	12,757.76	3.52
244	12/12/2024	312,703,398,154	24,500,000	12,763.40	5.64
245	15/12/2024	311,774,720,065	24,500,000	12,725.49	(37.91)
246	16/12/2024	311,723,239,377	24,500,000	12,723.39	(2.10)
247	17/12/2024	311,268,758,416	24,500,000	12,704.84	(18.55)
248	18/12/2024	311,989,047,248	24,500,000	12,734.24	29.40
249	19/12/2024	307,937,033,847	24,500,000	12,568.85	(165.39)
250	22/12/2024	307,972,078,404	24,500,000	12,570.28	1.43
251	23/12/2024	309,428,719,283	24,500,000	12,629.74	59.46



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

No	Valuation date	NAV VND	Quantity of fund units Fund unit	NAV/ fund unit VND	Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND
252	24/12/2024	309,541,387,945	24,500,000	12,634.34	4.60
253	25/12/2024	315,251,954,414	24,500,000	12,867.42	233.08
254	26/12/2024	315,861,083,192	24,500,000	12,892.28	24.86
255	29/12/2024	319,580,923,575	24,500,000	13,044.11	151.83
256	30/12/2024	320,291,240,573	24,500,000	13,073.11	29.00
257	31/12/2024	318,736,900,991	24,500,000	13,009.66	(63.45)

Details of changes in net asset value during the year:

Average NAV for the year	Current year	Previous year
Change in NAV per fund unit:	317,691,883,527	181,808,647,263
- Highest level (VND)	611.24	569.46
- Lowest level (VND)	0.28	0.28
NAV per fund unit:		
- Highest level (VND)	13,122.62	11,344.91
- Lowest level (VND)	10,532.80	8,423.82

18. NUMBER OF OUTSTANDING FUND UNITS IN CIRCULATION

Fund certificates can be redeemed in detail from time to time:

	31 December 2024 Unit	31 December 2023 Unit
Up to 1 year	24,500,000	28,000,000

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
As at 31 December 2024 and for the year then ended

19. RELATED PARTIES AND OTHER KEY CONTRACTS

19.1 Related parties

Parties are considered to be related if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions.

*Fund Management Company and Board of Representatives*

Significant transactions during the year are as follows:

Related party	Relationship	Transactions	Receivable/(Payable)				Expenses VND
			31 December 2023 VND	Increase VND	Decrease VND	31 December 2024 VND	
Kim Vietnam Fund Management Co., Ltd	The Fund Management Company	Fund management fee	(147,469,506)	(1,906,238,865)	1,895,164,389	(158,543,982)	1,906,238,865
Board of Representatives	Board of Representatives	Board of Representatives' remuneration	(13,500,000)	(60,000,000)	60,000,000	(13,500,000)	60,000,000



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
As at 31 December 2024 and for the year then ended

19. RELATED PARTIES AND OTHER KEY CONTRACTS (continued)

19.2 Other key contracts

*Supervisory Bank*

According to the custodianship and custody contract with the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("Supervisory Bank"), the Fund is obliged to pay the Supervisory Bank a supervisory fee is 0.02% per year on the net asset value of the Fund with a minimum of VND5,000,000 per month, excluding value added tax, and custody service price is 0.06% per annum on the net asset value of the Fund with the minimum amount of VND20,000,000 per month.

The Supervisory Bank is also an organization providing fund administration service. The Fund is obliged to pay the Supervisory Bank a fund administration fee of 0.03% per annum based on the net asset value of the Fund with a minimum of VND15,000,000 per month, excluding value added tax.

The major transactions during the year are as follows:

Related party	Relationship	Transactions	Receivable/(Payable)				Expenses VND
			31 December 2023 VND	Increase VND	Decrease VND	31 December 2024 VND	
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	Supervisory Bank	Settlement Deposit	794,082,765	(33,696,640,054)	33,746,034,758	843,477,469	
		Payable for custody fee	(20,000,000)	(240,000,000)	240,000,000	(20,000,000)	240,000,000
		Payable for transaction fee	-	(44,344,573)	44,344,573	-	44,344,573
		Payable for supervisory fee	(5,501,066)	(70,064,442)	69,752,227	(5,813,281)	70,064,442
		Payable for fund administration fee	(16,500,000)	(198,000,000)	198,000,000	(16,500,000)	198,000,000
		Bank charges	-	(2,059,802)	2,059,802	-	2,059,802

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**20. FINANCIAL ITEMS ASSESSMENT OF FUND'S OPERATION**

	<i>Current year (%)</i>	<i>Previous year (%)</i>
Operating expenses ratio	1.01	1.27
Portfolio turnover	6.14	17.37

**20.1 Operating expenses ratio**

Operating expense ratio is the evaluation rate of the operating expenses of the Fund calculated for a unit of net asset value. For the year ended 31 December 2024, this ratio is calculated on a year-round basis by multiplying the operating expense ratio by the Fund's actual 1-year life-time ratio.

The operating cost ratio is determined by the following formula:

$$\text{Operating expenses ratio (\%)} = \frac{\text{Total operating expenses} \times 100\%}{\text{Average net asset value (NAV) for the year}}$$

Expenses that are not included in the Fund's operating expenses when calculating the operating expenses ratio include:

- Interest expenses;
- Expenses of exchange rate profit and loss (both implemented and unrealized);
- Withholding tax on investor income or tax arising from income paid for the year (corporate income tax), including contractor tax;
- Exchange expenses, fund certificates sale and other expenses arising from the exchange, sale of fund certificates; and
- Dividends and other distributions paid to investors.

**20.2 Portfolio turnover**

The portfolio turnover rate is the turnover of the Fund's investment assets in a (1) year. For the year ended 31 December 2024, this ratio is calculated on a year-round basis by multiplying the operating expense ratio by the Fund's actual 1-year life-time ratio.

The index rotation speed is determined by the formula:

$$\text{Portfolio turnover (\%)} = \frac{(\text{Total exchange value for the year} + \text{Total sale value for the year}) / 2 \times 100\%}{\text{Average net asset value (NAV) for the year}}$$



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**21. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES**

The Fund has investments in listed shares, unlisted shares receivables, cash and short-term deposits that arise directly from its operations. Financial liabilities consist mainly of payables to the Fund management company, to service provider, to investors and management fee payables. The Fund does not hold or issue any derivative financial instruments.

The Fund is exposed to market risk, credit risk and liquidity risk. The Fund has a system of controls in place to create an acceptable balance between the cost of risks occurring and the cost of managing the risks. Executive Board of the Fund Management Company continually monitors the Fund's risk management process to ensure that an appropriate balance between risk and control is achieved.

The Fund Management Company reviews and agrees policies for managing each of these risks which are summarized below:

***Market risk***

Market risk is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market prices. Market risk comprises of four types of risk: interest rate risk, currency risk, commodity price risk and other price risk, such as equity price risk. Financial instruments affected by market risk include deposits and securities investments.

***Interest rate sensitivity***

Interest rate risk is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate in response to changes in market interest rates. Market risk due to changes in the interest rate of the Fund mainly relates to cash and bank deposits of the Fund. These assets are highly liquid and not held by the Fund for the purpose of gaining from waiting for price increase.

The Fund Management Company manages interest rate risk by looking at the competitive structure of the market to obtain rates, which are favourable for its purposes within its risk management limits.

The Fund does not apply a sensitivity analysis to interest rates since the Fund has a minimal interest rate risk at the statement of financial position date.

***Currency risk***

The Fund was not exposed to foreign currency risk for the year ended 31 December 2023.

The Fund was incorporated and operates in Vietnam, the Fund's main reporting and the transaction currency is VND. The Fund's exposure to risk is not present as the Fund does not hold assets and liabilities denominated in foreign currencies as at 31 December 2023.

***Market price risk***

The Fund's investments in listed stocks are susceptible to market risk arising from uncertainty about future values of the investment stocks. The Fund Management Company manages stocks price risk by placing a limit on investments. The Board of Representatives reviews and approves all stocks investment decisions.

At the reporting date, the fair value of investments in listed shares was VND318,413,351,200. A decrease of 10% in these bonds' price could decrease an amount of VND31,841,335,120 on the Fund's operating income, the result depending on whether or not the decline is significant or prolonged. An increase of 10% in the price of the listed shares would increase the Fund's operating income result by VND31,841,335,120.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**21. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES (continued)**

***Credit risk***

Credit risk is the risk that counterparty would not meet its obligations under a financial instrument or customer contract, leading to a financial loss. The Fund is exposed to credit risk from deposit at bank and receivables.

The Fund Management Company assessed that the Fund's credit risk was low because deposits and receivables which are accrued deposits interest are maintained with reputable banks operating in Vietnam and had been approved by the Board of Representatives. Dividend receivable balance at the end of the year is not significant.

***Liquidity risk***

The liquidity risk is the risk that the Fund will encounter difficulty in meeting financial obligations due to shortage of capital. The Fund's exposure to liquidity risk arises primarily from mismatches of maturities of financial assets and financial liabilities.

The Fund frequently assesses liquidity demand, analyses cash inflows/outflows and monitors liquidity risk by maintaining sufficient amount of cash at bank for the Fund's operation and to mitigate the effect of fluctuations in cash flows.

The table below summarizes the maturity profile of the Fund's financial liabilities based on contractual undiscounted payments:

	<i>On demand VND</i>	<i>Less than 3 months VND</i>	<i>Total VND</i>
<b>Assets</b>			
Cash at bank for the operation of the Fund	843,477,469	-	843,477,469
Investments	-	318,435,461,200	318,435,461,200
<b>Total assets</b>	<b>843,477,469</b>	<b>318,435,461,200</b>	<b>319,278,938,669</b>
<b>Liabilities</b>			
Payables	-	147,900,000	147,900,000
ETF's service fees payables	-	379,137,678	379,137,678
<b>Total liabilities</b>	<b>-</b>	<b>527,037,678</b>	<b>527,037,678</b>
<b>Net liquidity gap</b>	<b>843,477,469</b>	<b>317,908,423,522</b>	<b>318,751,900,991</b>

The Fund assessed that the risk concentration for payment is low. Sources of funding were deemed to be sufficiently available to meet the Fund's current obligations.



NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

## 22. NOTES TO FINANCIAL ASSETS AND FINANCIAL LIABILITIES IN DETAILED

The following table presents carrying amounts and fair values of the financial instruments presented in the Fund's financial statements at the end of the year:

	31 December 2024	
	Carrying amount VND	Fair value VND
<b>Assets</b>		
Cash and cash equivalents	843,477,469	843,477,469
- Cash at bank for the operation of the Fund	843,477,469	843,477,469
Investments	318,435,461,200	318,435,461,200
- Listed shares	318,413,351,200	318,413,351,200
- Right issue	22,110,000	22,110,000
	<b>319,278,938,669</b>	
<b>Liabilities</b>		
Payables	147,900,000	(*)
ETF's service fees payables	379,137,678	(*)
	<b>527,037,678</b>	

(\*) The fair value of these financial assets and liabilities cannot be determined because the Vietnamese Accounting Standards and the Accounting System for Portfolio Exchange Traded Funds and regulations of the Ministry of Finance have not yet provided specific guidance on the determination of fair value.

The fair values of financial assets and financial liabilities are stated at the amount to which the financial instrument can be converted in an existing transaction between the parties, except where required must be sold or disposed of.

The Fund uses the following methods and assumptions to estimate fair value:

- Fair value of cash and cash equivalents, receivables, accrued expenses and service fees payables is equal to the carrying amount of these items due to periodic terms.
- Fair value of shares is estimated using the valuation method specified in Note 3.3.

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD  
KIM Growth VNFINSELECT ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINACIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**23. EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE**

There is no matter or circumstance that has arisen since the balance sheet date that requires adjustment or disclosure in the financial statements of the Fund.

Ho Chi Minh City, Vietnam  
28 March 2025

Preparer:



Ms. Vo Xuan Quy  
Accountant

Reviewer:



Ms. Vu Thi Lan Huong  
Person in charge  
of Accountant

Approver:



Mr. Yun Hang Jin  
General Director

